

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

THIEN LONG GROUP CORPORATION

Địa chỉ: Tầng 10, Sofic Tower, Số 10 Đường Mai Chí Thọ, Phường An Khánh,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Address: 10th Floor, Sofic Tower, No. 10 Mai Chi Tho Street, An Khanh Ward,

Ho Chi Minh City, Vietnam

Điện thoại/ Tel: (84-28) 3750 5555

Fax: (84-28) 3750 5577

Email: info@thienlonggroup.com

Website: www.thienlonggroup.com

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG *CHARTER OF ORGANIZATION AND OPERATION*

(Sửa đổi lần thứ 32)

(32nd amendment)

TP. HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2026

TP.HCM, dated 22 January 2026

CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
THIÊN
LONG
Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP
ĐOÀN THIÊN
LONG
Date: 2026.01.23
11:08:07 +07'00'

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MỤC LỤC/ TABLE OF CONTENTS

PHẦN MỞ ĐẦU/ RECITALS	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ/ DEFINITION OF TERMS	2
Điều 1: Giải thích thuật ngữ/ <i>Article 1: Interpretation of Terms</i>	2
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY/ NAME, LEGAL FORM, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, AND OPERATING TERM	4
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty/ <i>Article 2: Name, Legal Form, Headquarters, Branches, Representative Offices, and Operating Term</i>	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY/ OPERATIONAL OBJECTIVES AND BUSINESS SCOPE	5
Điều 3: Mục tiêu của Công ty/ <i>Article 3: Operational Objectives</i>	5
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động/ <i>Article 4: Business Scope</i>	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN/ CHARTER CAPITAL AND SHARES	9
Điều 5: Vốn Điều lệ, cổ phần/ <i>Article 5: Charter Capital and Shares</i>	9
Điều 6: Chứng nhận cổ phiếu/ <i>Article 6: Share Certificates</i>	12
Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác/ <i>Article 7: Other Securities Certificates</i>	13
Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần/ <i>Article 8: Share Transfer</i>	13
Điều 9: Thu hồi cổ phần/ <i>Article 9: Share Recovery</i>	13
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT/ ORGANIZATIONAL, MANAGEMENT AND CONTROL STRUCTURE	14
Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý/ <i>Article 10: Organizational and management structure</i>	14
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐHĐCĐ/ SHAREHOLDERS AND GMS	15
Điều 11: Quyền của Cổ đông/ <i>Article 11: Rights of Shareholders</i>	15
Điều 12: Nghĩa vụ của các Cổ đông/ <i>Article 12: Obligations of Shareholders</i>	18
Điều 13: Đại hội đồng cổ đông/ <i>Article 13: General Meeting of Shareholders</i>	19
Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ/ <i>Article 14: Rights and Duties of the GMS</i>	22
Điều 15: Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ/ <i>Article 15: Authorization Process for Attending the GMS</i>	24
Điều 16: Thay đổi các quyền/ <i>Article 16: Changes to Rights</i>	26
Điều 17: Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp, và thông báo họp ĐHĐCĐ/ <i>Article 17. Convening the General Meeting of Shareholders, Meeting Agenda, and Notification</i>	27
Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ/ <i>Article 18: Conditions for Convening the GMS</i>	30
Điều 19: Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ/ <i>Article 19: Procedures for Conducting Meetings and Voting at the GMS</i>	30
Điều 20: Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ <i>Article 20: Approval of GMS Resolutions</i>	34

014
ĐƠN
CỔ P
ÁP
HỆ
HỒ

Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ <i>Article 21: Authority and Procedures for Collecting Shareholders' Written Opinions to Approve GMS Resolutions</i>	35
Điều 22: Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ/ <i>Article 22: Resolutions and Minutes of the GMS Meeting</i>	38
Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ <i>Article 23: Request to cancel GMS Resolutions</i>	39
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BOARD OF DIRECTORS	40
Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT/ <i>Article 24: Composition and Term of the BOD</i>	40
Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT/ <i>Article 25: Powers and Duties of the BOD</i>	43
Điều 26: Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT/ <i>Article 26: Chairman and Vice Chairman of the BOD</i>	47
Điều 27: Các cuộc họp của HĐQT/ <i>Article 27: BOD Meetings</i>	49
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY/ CEO, OTHER EXECUTIVES, AND CORPORATE GOVERNANCE OFFICER	55
Điều 28: Tổ chức bộ máy quản lý/ <i>Article 28: Management Apparatus Structure</i>	55
Điều 29: Người điều hành/ <i>Article 29: Executives</i>	55
Điều 30: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Điều hành/ <i>Article 30: Appointment, Dismissal, Duties, and Powers of the CEO</i>	56
Điều 31: Người phụ trách quản trị Công ty/ <i>Article 31: Corporate Governance Officer</i>	59
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH/ DUTIES OF BOD MEMBERS, CEO, AND EXECUTIVES	60
Điều 32: Trách nhiệm cẩn trọng/ <i>Article 32: Duty of care</i>	60
Điều 33: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi/ <i>Article 33: Duty of integrity and avoidance of conflicts of interest</i>	60
Điều 34: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường/ <i>Article 34: Liability and Compensation for Damage</i>	62
X. ỦY BAN KIỂM TOÁN/ AUDIT COMMITTEE	63
Điều 35: Thành phần Ủy ban kiểm toán/ <i>Article 35: Composition of the Audit Committee</i>	63
Điều 36: Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán/ <i>Rights and obligations of Audit Committee</i>	64
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY/ RIGHT TO ACCESS ACCOUNTING BOOKS AND APPLICATIONS OF THE COMPANY	66
Điều 37: Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ/ <i>Right to access accounting books and applications</i>	66
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN/ EMPLOYEES AND TRADE UNION	68
Điều 38: Công nhân viên và công đoàn/ <i>Article 38: Employees and Trade Union</i>	68
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN/ PROFIT DISTRIBUTION	68
Điều 39: Phân phối lợi nhuận/ <i>Article 39: Profit Distribution</i>	68

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN/ BANK ACCOUNTS, FUND APPROPRIATION, FISCAL YEAR, AND ACCOUNTING REGIME	69
Điều 40: Tài khoản ngân hàng/ <i>Article 40: Bank Accounts</i>	69
Điều 41: Trích lập các Quỹ/ <i>Article 41: Fund Appropriation</i>	70
Điều 42: Năm tài chính/ <i>Article 42: Fiscal Year</i>	70
Điều 43: Chế độ Kế toán/ <i>Article 43: Accounting Regime</i>	70
XV. CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG/ ANNUAL FINANCIAL REPORTS, DISCLOSURE OBLIGATIONS, AND PUBLIC ANNOUNCEMENTS	70
Điều 44: Báo cáo tài chính hàng năm, bán niên và hàng quý; Báo cáo thường niên/ <i>Article 44: Annual, Semi-Annual, and Quarterly Financial Reports; Annual Reports</i>	70
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY/ COMPANY AUDIT	71
Điều 45: Kiểm toán/ <i>Article 45: Audit</i>	71
XVII. CON DẤU/ COMPANY STAMP	72
Điều 46: Quản lý, sử dụng con dấu của doanh nghiệp/ <i>Article 46: Management and Use of the Company's Stamp</i>	72
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY/ DISSOLUTION	72
Điều 47: Giải thể Công ty/ <i>Article 47: Dissolution of the Company</i>	72
Điều 48: Thanh lý/ <i>Article 48: Liquidation</i>	73
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ/ INTERNAL DISPUTE SETTLEMENT	74
Điều 49: Giải quyết tranh chấp nội bộ/ <i>Article 49: Internal Disputes Settlement</i>	74
XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ/ AMENDMENT OF THE CHARTER	75
Điều 50: Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ/ <i>Article 50: Amendment and Supplementation of the Charter</i>	75
XXI. NGÀY HIỆU LỰC/ VALIDITY	75
Điều 51: Ngày hiệu lực/ <i>Article 51: Effective Date</i>	75
Điều 52: Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty/ <i>Article 52: Signature of the Company's Legal Representative</i>	75

PHẦN MỞ ĐẦU/ RECITALS

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (dưới đây gọi là "**Công ty**") là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty. Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long, là Công ty Cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp.

This Charter of Thien Long Group Corporation (hereinafter referred to as the "Company") serves as the legal foundation for all activities of the Company. The Company is a Joint stock Company established under the Enterprise Law.

Điều lệ này, các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, và các quy định của Công ty nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

This Charter, along with the resolutions of the GMS and the BOD, as well as the Company's internal regulations, if duly approved in accordance with applicable laws, shall constitute the binding rules and regulations governing the Company's business operations.

Điều lệ này được thông qua bởi các Cổ đông của Công ty theo Nghị quyết được thông qua hợp lệ tại cuộc họp ĐHĐCĐ tổ chức vào ngày 10 tháng 04 năm 2025

This Charter was approved by the Company's shareholders through a Resolution duly passed at the General Meeting of Shareholders held on 10/04/2025.....



I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ/ *DEFINITION OF TERMS*

Điều 1: Giải thích thuật ngữ/ *Article 1: Interpretation of Terms*

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

Unless otherwise stipulated by specific provisions or the context of this Charter, the following terms shall have the meanings set forth below:

- a. “**Công ty**” có nghĩa là Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long;

“Company” means Thien Long Group Corporation;

- b. “**Cổ đông**” có nghĩa là mọi cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách Cổ đông của Công ty tại thời điểm gần nhất Công ty chốt danh sách Cổ đông tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

“Shareholder” means any individual or legal entity listed in the Company's shareholder register at the most recent time the Company finalizes the shareholder list at the Securities Depository Center;

- c. “**ĐHĐCĐ**” có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông Công ty - là toàn bộ các Cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ Công ty;

“GMS” means the General Meeting of Shareholders of the Company, consisting of all shareholders entitled to vote in accordance with the Company's Charter;

- d. “**HĐQT**” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;

“BOD” means the BOD of the Company;

- e. “**Địa bàn kinh doanh**” có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện hoặc dự kiến thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;

“Business Territory” means the geographical scope where the Company conducts or plans to conduct its business activities, including both within and outside the territory of Vietnam;

- f. “**Vốn Điều lệ**” có nghĩa là vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;

“Charter Capital” means the total capital contributed by all shareholders as specified in Article 5 of this Charter;

- g. “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

“Enterprise Law” refers to Enterprise Law No. 59/2020/QH14, passed by the National Assembly on June 17, 2020;

- h. “**Ngày thành lập**” là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu;

“Date of Establishment” means the date on which the Company was first issued a Business Registration Certificate;

- i. **“Pháp luật”** là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp quy khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm;
“Laws” includes all laws, ordinances, decrees, regulations, circulars, decisions, and all other legal documents issued by Vietnamese competent authorities from time to time;
- j. **“Người điều hành”** có nghĩa là Tổng Giám đốc Điều hành, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
“Executives” means the Chief Executive Officer (CEO), Deputy CEOs, and Chief Accountant;
- k. **“Thành viên HĐQT không điều hành”** hoặc **“thành viên không điều hành”** có nghĩa là thành viên HĐQT không phải là Người điều hành theo quy định của Điều lệ Công ty;
“Non-Executive Board Member” or “Non-Executive Member” means a member of the BOD who is not classified as an Executive under this Charter;
- l. **“Thành viên độc lập HĐQT”** hoặc **“thành viên độc lập”** có nghĩa là thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
“Independent Board Member” or “Independent Member” refers to a member as defined in Clause 2, Article 155 of the Enterprise Law;
- m. **“Người có liên quan”** có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
“Related Person” means any individual or organization as defined in Clause 23, Article 4 of the Enterprise Law and Clause 46, Article 4 of the Securities Law;
- n. **“Người quản lý doanh nghiệp”** bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc Điều hành;
“Corporate Manager” includes the Chairman of the BOD, members of the BOD, and the CEO;
- o. **“Thời hạn”** có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được ĐHĐCĐ Công ty thống nhất thông qua bằng một nghị quyết;
“Term” means the initial duration of the Company as specified in Article 2 of this Charter, and any extensions thereof as agreed upon by the General Meeting of Shareholders through a resolution;
- p. **“Tỷ lệ nắm giữ”** có nghĩa là tỷ lệ nắm giữ cổ phần tương ứng của một Cổ đông trong Công ty và được tính bằng tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết mà mỗi Cổ đông nắm giữ chia cho tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty;
“Ownership Ratio” refers to the percentage of shares held by a Shareholder in the Company, calculated as the total number of voting common shares owned by the Shareholder divided by the total number of voting common shares of the Company;
- q. **“Cổ tức”** là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty để trả cho mỗi cổ phần mà Cổ đông sở hữu;

“Dividend” refers to the amount of money annually allocated from the Company’s after-tax profit to be paid for each share owned by a Shareholder

- r. **“Việt Nam”** có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

“Vietnam” means the Socialist Republic of Vietnam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

In this Charter, any reference to a clause or document shall include its amendments or replacements.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

Headings are included for convenience only and shall not affect the interpretation of this Charter.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY/ NAME, LEGAL FORM, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, AND OPERATING TERM

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty/ Article 2: Name, Legal Form, Headquarters, Branches, Representative Offices, and Operating Term

1. Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt là **“CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG”**

The Company's official name in Vietnamese is “CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG”

Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh là **“THIEN LONG GROUP CORPORATION”**

The Company's legally registered name in English is “THIEN LONG GROUP CORPORATION”

Tên gọi tắt của Công ty là **“CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THIÊN LONG”**

The Company's abbreviated name in Vietnamese is “CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THIÊN LONG”

2. Công ty là một Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

The Company is a joint-stock company with legal entity status in accordance with Vietnamese law.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

The Company's registered headquarters is located at:

Địa chỉ/ Address : Tầng 10, Sofic Tower, Số 10 Đường Mai Chí Thọ, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ 10th Floor, Sofic Tower, No. 10 Mai Chi Tho Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Điện thoại/ Tel : (84 - 28) 3750 5555

Fax : (84 - 28) 3750 5577

E-mail : info@thienlonggroup.com

Website : www.thienlonggroup.com

4. Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty. HĐQT quyết định người đại diện theo pháp luật của Công ty.

The Chairman of the BOD or the CEO shall be the Company's legal representative. The BOD shall determine the Company's legal representative.

5. Công ty có thể thành lập các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, văn phòng giao dịch v.v... tại Địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

The Company may establish subsidiary units such as branches, representative offices, and business offices in its areas of operation to achieve its business objectives, in accordance with resolutions of the BOD and within the limits permitted by law.

6. Trừ khi Công ty chấm dứt hoạt động theo Điều 47, thời hạn của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.

Unless the Company is dissolved pursuant to Article 47, the Company's operating term shall commence on the Date of Establishment and continue indefinitely.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY/ **OPERATIONAL OBJECTIVES AND BUSINESS SCOPE**

Điều 3: Mục tiêu của Công ty/ Article 3: Operational Objectives

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

The Company's business lines include:

STT No.	Tên ngành nghề <i>Business line</i>	Mã ngành <i>VSIC</i>
1	Hoạt động tư vấn quản lý. <i>Management consulting activities</i> (trừ tư vấn kế toán, tài chính, thuế) (except for accounting, financial, and tax consulting services)	7020 (Chính) (Main)
2	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. <i>Other manufacturing activities not classified elsewhere</i> Chi tiết: Sản xuất văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia công (trừ sản xuất xốp cách	3290

	nhật sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b), hàng nhựa gia dụng; sản xuất dụng cụ và thiết bị gia dụng. <i>Details: Manufacturing office supplies, school supplies, teaching aids made of plastic, plastic-processed household goods (excluding the production of thermal insulation foam using R141b gas or pre-mixed polyol containing HCFC-141b), household plastic products, and household equipment.</i> (Không hoạt động tại trụ sở) (Not at the company's headquarters)	
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Wholesale of other household goods <i>Chi tiết: Bán buôn văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia công; bán buôn sản phẩm trò chơi và đồ chơi trẻ em; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.</i> <i>Details: Wholesale of office supplies, school supplies, plastic teaching aids, plastic-processed products, toys and games for children, and sports equipment.</i>	4649
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Wholesale of machinery, equipment, and spare parts <i>Chi tiết: Bán buôn khuôn mẫu, bán buôn máy móc, trang thiết bị phục vụ ngành sản xuất của công ty; bán buôn máy móc phục vụ cho ngành tự động hóa; bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính.</i> <i>Details: Wholesale of molds, machinery, and equipment for the company's manufacturing industry; wholesale of machinery for automation; wholesale of office furniture (desks, chairs, cabinets); wholesale of office machinery and equipment (excluding computers and peripherals); wholesale of industrial robots for automated production lines; wholesale of machine tools for various materials; and wholesale of computer-controlled machine tools</i> <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)</i>	4659



	không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối) (Except for the exercise of export rights, import rights, and distribution rights with respect to goods listed in the Catalogue of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import, and distribution rights.)	
5	Sản xuất máy chuyên dụng khác. Manufacturing of other specialized machinery Chi tiết: Sản xuất máy móc tự động hóa phục vụ ngành sản xuất của công ty, máy móc phục vụ cho ngành tự động hóa, sản xuất người máy công nghiệp cho các mục đích khác nhau. Details: Production of automation machinery for the company's industry, automation-related machinery, and industrial robots for various applications. (Không hoạt động tại trụ sở) (Not at the company's headquarters)	2829
6	Sản xuất đồ chơi, trò chơi. Manufacturing of toys and games (không sản xuất đồ chơi, trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội). (Excluding the production of harmful toys or games that negatively affect children's character development and health; public order, or social security) (Không hoạt động tại trụ sở) (Not at the company's headquarters)	3240
7	Sản xuất sản phẩm từ plastic. Manufacturing of plastic products (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b) (Excluding the production of thermal insulation foam using R141b gas or pre-mixed polyol containing HCFC-141b) (Không hoạt động tại trụ sở) (Not at the company's headquarters)	2220

8	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. <i>Other specialized wholesale not classified elsewhere</i> Chi tiết: Bán buôn hạt nhựa, bột màu; bán buôn bao bì; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; bán buôn các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu: bột lửa, pin, keo cây, dụng cụ thí nghiệm hóa, lý, công nghệ, kỹ thuật. Details: Wholesale of plastic pellets, color powders, packaging materials, metal and non-metal scraps and waste, and other unspecified products such as lighters, batteries, glue sticks, and laboratory tools for chemistry, physics, technology, and engineering.	4669
9	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng <i>Manufacturing of office machinery and equipment</i> (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). (Excluding computers and computer peripherals) (Không hoạt động tại trụ sở) (Not at the company's headquarters)	2817
10	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển. <i>Manufacturing of measuring, testing, navigation, and control equipment</i> Chi tiết: Sản xuất các thiết bị đo lường, kiểm tra trong bộ thí nghiệm hóa, lý, công nghệ, kỹ thuật. Details: Production of measuring and testing devices used in chemistry, physics, technology, and engineering laboratory experiments. (Không hoạt động tại trụ sở) (Not at the company's headquarters)	2651

2. Mục tiêu của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm theo các chức năng và ngành nghề kinh doanh được cấp phép, đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các Cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, đóng góp tích cực vào sự phồn vinh và phát triển của xã hội, không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

The Company's objectives are to effectively mobilize and utilize capital for production and trade of various products as specified in its enterprise registration certificate. At the same time, the Company aims to enhance efficiency and maximize profits, create jobs and stable income for

employees, increase returns for shareholders, fulfill obligations to the State Budget, actively contribute to the prosperity and development of society, and continuously expand the Company's growth.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động/ Article 4: Business Scope

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được (các) mục tiêu của Công ty.

The Company is authorized to conduct business activities within the industries specified in the enterprise registration certificate and the Company's Charter, in compliance with legal regulations. Any changes in business registration must be notified to the business registration authority and published on the National Business Registration Portal. The Company shall take appropriate measures to achieve its objectives.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN/ CHARTER CAPITAL AND SHARES

Điều 5: Vốn Điều lệ, cổ phần/ Article 5: Charter Capital and Shares

1. Vốn Điều lệ của Công ty là: **965.283.400.000 VNĐ** (Chín trăm sáu mươi lăm tỷ hai trăm tám mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng) được chia thành **96.528.340** (Chín mươi sáu triệu năm trăm hai mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi) cổ phần. Mỗi cổ phiếu có mệnh giá là **10.000 đồng**.

The Company's Charter Capital is VND 965,283,400,000 VND (Nine hundred sixty-five billion, two hundred eighty-three million, four hundred thousand dong) divided into 96,528,340 (Ninety-six million, five hundred twenty-eight thousand, three hundred forty) shares. Each share has a par value of VND10,000.

2. Công ty chỉ có thể thay đổi Vốn Điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

The Company may only change its Charter Capital with the approval of the General Meeting of Shareholders, in accordance with legal regulations.

3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ bằng nghị quyết và phù hợp với các quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

The Company may issue other types of preferred shares upon approval by the General Meeting of Shareholders through a resolution, in compliance with legal regulations. Each share of the same type grants its holder equal rights, obligations, and benefits.

4. Vốn Điều lệ không được dùng để chia Cổ tức hoặc phân tán tài sản Công ty dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định thu hẹp quy mô sản xuất và giảm Vốn Điều lệ sau khi đáp ứng các điều kiện theo luật định.

The Charter Capital shall not be used for dividend distribution or asset distribution in any form, except in cases where the General Meeting of Shareholders decides to downsize operations and

reduce the Charter Capital in accordance with legal requirements.

5. Cá nhân và tổ chức nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty và trở thành Cổ đông của Công ty nhưng phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán.

Foreign legal entities and natural persons may purchase the Company's shares and become its shareholders, provided they comply with the current State regulations on securities and the stock market.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác.

Common shares must be given priority in offering to existing shareholders in proportion to their ownership percentage, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders. Shares that are not subscribed by existing shareholders shall be handled by the BOD. The BOD may distribute such shares to other entities under conditions and methods deemed appropriate but may not offer more favorable conditions than those provided to existing shareholders unless otherwise approved by the General Meeting of Shareholders.

7. Cổ đông có quyền biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

Shareholders with voting rights who oppose decisions on Company restructuring or changes affecting shareholder rights and obligations, as stated in this Charter, have the right to request the Company to repurchase their shares. Such a request must be made in writing, clearly stating the shareholder's name, address, the number and type of shares, the proposed selling price, and the reason for requesting the repurchase. The request must be sent to the Company within ten (10) days from the date the General Meeting of Shareholders passes the decision.

8. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại Khoản 7 Điều này với giá thị trường hoặc giá do HĐQT quyết định trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Chi phí định giá sẽ do Cổ đông thanh toán.

The Company must repurchase shares as requested by shareholders under Clause 7 of this Article at market value or at a price determined by the BOD within ninety (90) days on receipt of the request. If a price agreement cannot be reached, either party may request a valuation by an appraisal organization. The Company shall propose at least three (03) appraisal organizations for the shareholder to choose from, and the shareholder's choice shall be final.

The valuation cost shall be borne by the shareholder.

9. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

The Company has the right to repurchase no more than 30% of the total number of sold common shares and part or all of the sold preferred dividend shares under the following provisions:

- HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được bán trong thời hạn mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;

The BOD has the authority to decide to repurchase no more than 10% of the total number of each type of sold shares within twelve months. In other cases, the repurchase of shares shall be decided by the General Meeting of Shareholders;

- HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ không quy định hoặc Công ty và Cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

The BOD shall decide on repurchased share prices. For common shares, the repurchase price shall not exceed the market price at the time of repurchase. For other types of shares, unless otherwise specified in the Charter or agreed upon between the Company and the relevant shareholder, the repurchase price shall not be lower than the market price;

- Công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên;

The Company may repurchase shares from each shareholder in proportion to their shareholding in the Company. In such cases, the Company's decision to repurchase shares must be notified in a manner ensuring delivery to all shareholders within thirty (30) days from the date of approval. The notification must include the name and address of the Company's headquarters, the total number and type of shares to be repurchased, the repurchase price or pricing principles, payment procedures and deadlines, and procedures and deadlines for shareholders to sell their shares to the Company. Shareholders who agree to sell their shares must send a written consent to the Company by a secure method within thirty (30) days from the notification date. The Company shall only repurchase shares within this specified period.

10. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm. Khi có phê chuẩn của ĐHĐCĐ, Công ty có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

The Company may issue secured and unsecured bonds. Upon approval by the General Meeting of Shareholders, the Company may issue convertible bonds and warrants that allow the warrant holders to purchase shares in accordance with securities laws and stock market regulations.

11. Công ty có thể phát hành và chào bán cổ phần theo phương thức đấu giá. HĐQT được quyền quyết định giá chào bán và mức chiết khấu sao cho có lợi nhất cho Công ty và các Cổ đông.

The Company may issue and offer shares through auction. The BOD has the authority to determine the offering price and discount rates to ensure the best interests of the Company and its shareholders.

Điều 6: Chứng nhận cổ phiếu/ Article 6: Share Certificates

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

Shareholders of the Company shall be issued share certificates corresponding to the number and type of shares they own.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà Cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Share certificates must bear the Company's seal and the signature of the legal representative in accordance with the Enterprise Law. The share certificate must clearly state the number and type of shares held by the shareholder, the full name of the holder, and other information as prescribed by the Enterprise Law.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

Within thirty (30) days from the date of submitting a complete application for share ownership transfer in accordance with the Company's regulations, or within two (02) months from the date of full payment for purchased shares as specified in the Company's share issuance plan (or another period as stipulated in the issuance terms), the share owner shall be issued a share certificate. The share owner shall not bear the cost of printing the share certificate.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp, bị tiêu hủy hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, người sở hữu cổ phiếu đó được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị. Đề nghị của Cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

In case the share certificate is damaged, erased, lost, stolen, destroyed, or otherwise rendered unusable, the shareholder shall be reissued a share certificate by the Company upon request. The shareholder's request must include:

- Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

Information about the lost, damaged, or otherwise destroyed share certificate;



- Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

A commitment to bear responsibility for any disputes arising from the issuance of a new share certificate

Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác/ Article 7: Other Securities Certificates

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Bond certificates or other securities certificates of the Company (except for offering letters, temporary certificates, and similar documents) shall be issued with the Company's seal and the legal representative's sample signature.

Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần/ Article 8: Share Transfer

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

All shares are freely transferable unless otherwise stipulated in this Charter and by law. Listed shares on the Stock Exchange shall be transferred in accordance with securities laws and stock market regulations.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền lợi nhận Cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Shares that have not been fully paid for may not be transferred and shall not be entitled to related benefits, including the right to receive dividends and shares issued to increase share capital from equity, the right to purchase newly issued shares, and other rights as prescribed by law.

Điều 9: Thu hồi cổ phần/ Article 9: Share Recovery

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

If shareholders fail to fully and timely pay the amount due for their shares, the BOD shall notify them and have the right to demand payment of the outstanding amount. Shareholders shall also be liable for the total par value of the shares they have subscribed to, concerning the Company's financial obligations arising from their failure to make full payment.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

The payment notification must clearly state the new payment deadline (which shall be at least seven (07) days from the date of notification), the payment location, and a warning that failure to make the required payment will result in the recovery of the unpaid shares.

3. HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

The BOD has the right to recover shares that have not been fully and timely paid for if the requirements stated in the notification are not met.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.

Recovered shares shall be considered shares available for sale. The BOD may directly or authorize others to sell, redistribute, or settle them to the former owners of the redeemed shares or other entities under conditions and methods deemed appropriate by the BOD.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

Shareholders with recovered shares shall forfeit their shareholder status regarding those shares but remain responsible for the total par value of the shares they have registered to purchase concerning the Company's financial obligations arising at the time of recovery. This responsibility remains in effect from the redemption date until full payment is made as determined by the BOD. The BOD has full authority to enforce full payment of the share value at the time of recovery.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

A recovery notice shall be sent to the holder of the recovered shares before the recovery date. The recovery remains valid even in cases of errors or negligence in sending the notice.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT/ ORGANIZATIONAL, MANAGEMENT AND CONTROL STRUCTURE

Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý/ Article 10: Organizational and management structure

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

The organizational and management structure of the Company includes:

- a. Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ).

General Meeting of Shareholders (GMS).

- b. HĐQT và Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT.

BOD and Audit Committee under BOD.

- c. Tổng Giám đốc Điều hành.

CEO.

2. Trong quá trình hoạt động, cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Công ty có thể được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kinh doanh.

During its operations, the Company's management and executive structure may be adjusted as needed to align with practical requirements and ensure the achievement of business objectives.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐHĐCĐ/ SHAREHOLDERS AND GMS

Điều 11: Quyền của Cổ đông/ Article 11: Rights of Shareholders

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Shareholders are the owners of the Company and have corresponding rights and obligations based on the number and type of shares they own. They are only liable for the Company's debts and other financial obligations up to the amount of capital they have contributed.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

Holders of common shares have the following rights:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa khi điều kiện Công ty cho phép hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

To attend and speak at GMS and exercise voting rights directly, through an authorized representative, or remotely when permitted by the Company, or in other forms prescribed by the Company's Charter and applicable laws. Each common share carries one voting right;

- b. Nhận Cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;

To receive Dividends as decided by the GMS;

- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

To freely transfer fully paid shares in accordance with this Charter and applicable laws;

- d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty;

To have priority in purchasing new shares corresponding to their common shareholding ratio in the Company;

- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

To review, access, and extract information regarding the names and contact addresses of shareholders eligible for a GMS, and to request corrections to any inaccuracies;

- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
To review, access, extract, or copy the Company's Charter, minutes of the GMS, and resolutions of the GMS;
- g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần vào Công ty;
In the event of the Company's dissolution or bankruptcy, to receive a portion of the remaining assets corresponding to their shareholding ratio in the Company;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
To request the Company to repurchase their shares under the provisions of the Law on Enterprises;
- i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông;
To be treated equally. Each share of the same type grants shareholders equal rights, obligations, and benefits. If the Company issues preferred shares, the rights and obligations associated with such shares must be approved by the GMS and fully disclosed to shareholders;
- j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
To have full access to periodic and extraordinary information disclosed by the Company as required by law;
- k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
To have their legitimate rights and interests protected and to request the suspension or annulment of resolutions and decisions of the GMS or the BOD under the provisions of the Law on Enterprises;
- l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
To exercise other rights as stipulated in this Charter and applicable laws.
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
Shareholders or groups of shareholders holding at least 5% of the total common shares have the following rights:
- a. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
To request the BOD to convene a General Meeting of Shareholders (GMS) in accordance with Articles 115 and 140 of the Law on Enterprises;



- b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. Cho mục đích của điều khoản này, tài liệu khác chỉ bao gồm các biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, và các hồ sơ được quy định cụ thể phải công bố thông tin theo pháp luật;

To review, inspect, and extract meeting minutes, resolutions, and decisions of the BOD, semi-annual and annual financial statements, contracts, transactions requiring approval by the BOD, and other documents, except for those related to the Company's trade and business secrets. For the purposes of this Clause, other documents shall include only minutes of meetings, resolutions of the General Meeting of Shareholders, and applications that are specifically required by law to be subject to information disclosure;

- c. Yêu cầu Hội đồng Quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

To request the BOD to examine specific matters related to the management and operation of the Company when deemed necessary. Such requests must be made in writing and include the following information: full name, contact address, nationality, and legal identification documents for individual shareholders; name, enterprise code or legal identification documents, and registered address for institutional shareholders; the number of shares held and the registration date of each shareholder; the total number of shares held by the group of shareholders and their ownership percentage in the Company; and details of the matter to be inspected and the purpose of the inspection;

- d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

To propose matters to be included in the agenda of the GMS. Such proposals must be made in writing and submitted to the Company no later than three (03) working days before the opening of the GMS. The proposal must clearly state the shareholder's name, the number of shares held in each category, and the matters proposed for inclusion in the agenda;

- e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Other rights as stipulated in this Charter.

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:

Shareholders or groups of shareholders holding at least 10% of the total common shares have the right to nominate candidates for the BOD. The nomination process shall be carried out as follows:

- a. Các Cổ đông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

Shareholders forming a group to nominate candidates for the BOD must notify the attending shareholders of their group formation before the opening of the GMS.

- b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các Cổ đông khác đề cử.

Based on the number of members in the BOD, shareholders or groups of shareholders as stipulated in this clause have the right to nominate one or more candidates for these positions, as determined by the GMS. If the number of candidates nominated by the shareholders or groups of shareholders is fewer than the number they are entitled to nominate according to the GMS's decision, the remaining candidates shall be nominated by the BOD or other shareholders.

Điều 12: Nghĩa vụ của các Cổ đông/ Article 12: Obligations of Shareholders

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

Shareholders have the following obligations:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

Comply with the Company's Charter and regulations, and adhere to the decisions of the GMS and the BOD.

2. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ.

Attend the GMS and exercise voting rights either directly, through an authorized representative, or via remote voting when applicable. Shareholders may authorize a member of the BOD to represent them at the GMS.

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Fully and punctually pay for the shares they have committed to purchase.

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Fulfill other obligations as prescribed by applicable laws.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

Bear personal liability when acting on behalf of the Company in any of the following cases:

- a. Vi phạm pháp luật;

Violating the law;

- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

Conducting business or transactions for personal gain or for the benefit of another organization or individual;

- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Settling debts before they are due, leading to potential financial risks for the Company.

6. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

Refrain from withdrawing contributed capital in the form of common shares from the Company in any manner, except when the shares are repurchased by the Company or transferred to another party. If a shareholder illegally withdraws a portion or all of their contributed capital, that shareholder and any related beneficiaries within the Company shall be jointly liable for the Company's debts and other financial obligations within the value of the withdrawn shares, along with any resulting damages.

7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Maintain the confidentiality of information provided by the Company as stipulated in the Company's Charter and applicable laws. Such information shall only be used to exercise and protect the shareholder's legitimate rights and interests. The disclosure, duplication, or transmission of this information to other organizations or individuals is strictly prohibited.

Điều 13: Đại hội đồng cổ đông/ Article 13: General Meeting of Shareholders

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

The GMS consists of all shareholders with voting rights and is the highest decision-making body of the Company. The annual GMS shall be convened once (01) per year. The GMS must be convened annually within four (04) months from the end of the fiscal year. The BOD may decide to extend the time for holding the annual GMS when necessary, but by no more than six (06) months from the end of the fiscal year. In addition to the annual meeting, the General Meeting of Shareholders may convene extraordinary meetings. The venue of the General Meeting of Shareholders shall be determined as the place where the chairperson attends the meeting and

must be located within the territory of Vietnam.

2. HĐQT thông qua nghị quyết của mình tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự ĐHĐCĐ để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp ĐHĐCĐ thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty.

The BOD shall pass a resolution to convene the annual GMS and select an appropriate venue. The annual GMS shall decide on matters stipulated by law and the Company's Charter, particularly the approval of audited annual financial statements. Independent auditors may be invited to the GMS to provide consultation regarding the approval of financial statements. If the audit report of the Company's annual financial statements contains material exceptions, adverse opinions, or a disclaimer of opinion, the Company must invite a representative of the approved audit firm responsible for auditing the Company's financial statements to attend the annual GMS and a representative of the aforementioned audit firm must attend the meeting.

Theo đề nghị của HĐQT, luật sư, cố vấn pháp lý của Công ty có thể tham gia họp ĐHĐCĐ để giải thích các vấn đề pháp lý, quy định pháp luật liên quan đến các hoạt động của Công ty.

Upon the request of the BOD, the Company's legal counsel and advisors may attend the GMS to clarify legal matters and regulations related to the Company's operations.

3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

The BOD must convene an extraordinary GMS in the following cases:

- a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

When deemed necessary for the interests of the Company;

- b. Số lượng thành viên HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

When the number of remaining members of the BOD falls below the minimum required by law;

- c. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng một văn bản trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;

When shareholders or groups of shareholders, as specified in Clause 3, Article 11 of this

830.0
TY
ÂN
ÂN
ONG
CHI

Charter, submit a written request to convene the GMS in the cases specified under Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises. The request must be in writing and include: the full name, permanent address, and legal identification document(s) for individual shareholders; the name, enterprise code, or legal identification document(s) for institutional shareholders; the number of shares held and the registration date of each shareholder; the total number of shares held by the group and their ownership percentage in the Company; the basis and reasons for requesting the meeting; and the signatures of all relevant shareholders; or the written request may be made in multiple copies and must bear the signatures of all relevant shareholders. The request must also be accompanied by documents and evidence proving violations by the BOD, the extent of such violations, or decisions made beyond their authority.

- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Other cases as stipulated by law and the Company's Charter.

4. ĐHĐCĐ bất thường được tổ chức như sau:

The extraordinary GMS shall be organized as follows:

- a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập còn lại như quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này;

The BOD must convene the GMS within thirty (30) days from the date the number of remaining Board members, independent members as specified in Point b, Clause 3 of this Article, or from the date of receiving a request as stipulated in Points c and d, Clause 3 of this Article.

- b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 13 của Điều lệ mà không có lý do chính đáng, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

If the BOD does not convene the GMS as required in Point a, Clause 4 of Article 13 without a legitimate reason, within the next thirty (30) days, a shareholder or a group of shareholders as stipulated in Points c, Clause 3 of this Article shall have the right to request the Company's representative to convene a GMS in accordance with the Law on Enterprises.

- c. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ; Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

In this case, the shareholders or groups of shareholders convening the GMS have the right to request the business registration authority to oversee the procedures for convening, conducting, and making decisions at the GMS. All expenses related to the convening and organization of the GMS shall be reimbursed by the Company. However, these expenses shall not include the shareholders' personal costs for attending the GMS, such as accommodation and travel expenses.

- d. Thủ tục để tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

The procedures for convening and organizing a GMS shall comply with Clause 5, Article 140 of the Law on Enterprises.

Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ/ Article 14: Rights and Duties of the GMS

1. ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

The GMS shall discuss and approve the following matters:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

Approval of audited annual financial statements;

- b. Mức Cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

Dividend rates for each type of share;

- c. Số lượng thành viên của HĐQT;

Number of members of the BOD;

- d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

Approval of the list of approved audit firms; decision on the selection of an approved audit firm to inspect the Company's activities when deemed necessary;

- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT;

Election, dismissal, removal, and replacement of members of the BOD;

- f. Quyết định ngân sách hoặc Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của HĐQT;

Decision on the budget, total remuneration, bonuses, and other benefits of the BOD;

- g. Phê duyệt, bổ sung và sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động HĐQT;

Approval, amendment, and supplementation of the Company's Charter, internal governance regulations, and regulations on the operation of the BOD;

- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;

Types and quantity of new shares to be issued;

- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

Division, separation, consolidation, merger, or conversion of the Company;

- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

Reorganization and dissolution (liquidation) of the Company and the appointment of liquidators;

- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;

Examination and resolution of violations committed by the BOD that cause damage to the

Company and its shareholders;

- l. Quyết định giao dịch đầu tư; mua hoặc bán hoặc thanh lý tài sản Công ty; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; nghiên cứu phát triển các lĩnh vực mới, đầu tư xuất khẩu, đổi mới và tăng trưởng; thông qua giao dịch mua bán thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và vận hành của Công ty, giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, thế chấp, tín dụng và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

Decision on investment transactions; purchase, sale, or liquidation of the Company's assets; determination of market development, marketing, and technology solutions; research and development in new fields, export investment, innovation, and growth; approval of commercial transactions serving the Company's business and operational activities, as well as loan transactions, lending, guarantees, mortgages, credit, and other contracts with a value of 35% or more of the total asset value of the Company as recorded in the latest audited financial statements;

- m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

Decision on repurchasing more than 10% of the total issued shares of each type;

- n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

The Company's execution of contracts and transactions as stipulated in Clause 1, Article 167 of the Law on Enterprises, where the transaction value is equal to or greater than 35% of the Company's total asset value as recorded in the latest audited financial statements;

- o. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Approval of transactions specified in Clause 4, Article 293 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain provisions of the Securities Law;

- p. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

The Company's annual business plan;

- q. Định hướng phát triển của Công ty;

The Company's development strategy;

- r. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT; Thành viên độc lập HĐQT có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Report of the BOD on governance and the performance of the BOD and each of its members; the independent members of the BOD are responsible for reporting at the annual GMS in accordance with Article 284 of Decree No. 155/2020/ND-CP;

5014648
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
THIÊN LONG
SỔ HỒ CHỨNG

- s. Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị;
Audit Committee under the BOD;
- t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
Other matters as prescribed by law, this Charter, and other Company regulations.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
Shareholders shall not participate in voting in the following cases:
- a. Các hợp đồng, giao dịch quy định Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp khi Cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch;
Contracts and transactions as stipulated in Clause 3, Article 167 of the Law on Enterprises, where the shareholder or a related person of the shareholder is a party to the contract;
- b. Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của Người có liên quan tới Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
The repurchase of shares owned by the shareholder or a related person of the shareholder, except in cases where the share buyback is conducted in proportion to all shareholders' ownership or through matching orders or public offers on the Stock Exchange.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.
All resolutions and matters included in the meeting agenda must be discussed and voted on at the GMS.

Điều 15: Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ/ Article 15: Authorization Process for Attending the GMS

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

Shareholders or authorized representatives of institutional shareholders may attend the meeting in person, authorize one or more individuals or organizations to attend on their behalf, or participate through one of the methods prescribed in Clause 3, Article 144 of the Law on Enterprises. If multiple representatives are appointed, the specific number of shares and voting rights assigned to each must be clearly defined.

Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:

- Tổ chức là Cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 5% và dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền cho tối đa 02 người đại diện.

An institutional shareholder holding at least and less than 10% of the total ordinary shares

may authorize up to 02 representatives.

- Tổ chức là Cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.

An institutional shareholder holding at least 10% of the total ordinary shares may authorize up to 03 representatives.

- Các trường hợp khác được, Cổ đông chỉ được ủy quyền cho 01 người đại diện.

In other cases, a shareholder may authorize 01 representative.

- Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, **nội dung ủy quyền**, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Authorization for a representative to attend the GMS must be made in writing. The authorization document must be in compliance with civil law regulations and clearly state the name of the authorizing shareholder, the name of the authorized individual or organization, the number of shares authorized, the content of the authorization, the scope and duration of the authorization, and the signatures of both the authorizing and authorized parties.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

The authorized representative must submit the authorization document before registering for the meeting. In cases of sub-authorization, the attendee must present the original authorization from the shareholder or the authorized representative of an institutional shareholder (if not previously registered with the Company).

- Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

If a lawyer signs the appointment of a representative on behalf of the authorizing party, the appointment is only valid if the document is presented along with the power of attorney granted to the lawyer (unless previously registered with the Company).

- Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

Except as specified in Clause 3 of this Article 15, the voting ballot of an authorized representative remains valid within the scope of authorization even in the following circumstances:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

The authorizing shareholder has passed away, is restricted in, or has lost legal capacity;

- b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

The authorizing shareholder has revoked the authorization;

- c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

The authorizing shareholder has canceled the authority of the authorized representative.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

This provision does not apply if the Company receives written notice of any of the above events at least twenty-four (24) hours before the commencement of the GMS or the reconvened meeting.

Điều 16: Thay đổi các quyền/ Article 16: Changes to Rights

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Changes or revocations of special rights attached to a class of preferred shares shall take effect when approved by at least 65% of the total voting shares of all shareholders attending the meeting. A Resolution of the General Meeting of Shareholders that adversely affects the rights and obligations of preferred shareholders shall only be passed if it is approved by holders of at least 75% of the total preferred shares of that class held by the attending shareholders, or by holders of at least 75% of the total preferred shares of that class in the case where the resolution is adopted by written consultation.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

A meeting of shareholders holding a class of preferred shares to approve the aforementioned changes in rights is valid only if at least two shareholders (or their authorized representatives) are present and collectively hold at least one-third (1/3) of the nominal value of the issued shares of that class. If the required quorum is not met, the meeting shall be reconvened within 30 days, at which point all shareholders holding that class of shares - regardless of their number or the number of shares held - who are present in person or through an authorized representative shall



be deemed to constitute a valid quorum. At such meetings, shareholders holding that class of shares, whether attending in person or via a representative, may request a secret ballot. Each share of the same class shall have equal voting rights at these meetings.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.

The procedures for conducting such separate meetings shall comply with Articles 18 and 20 of this Charter.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Unless otherwise specified in the terms of share issuance, the special rights attached to preferred shares concerning profit distribution or the Company's assets shall not be altered when the Company issues additional shares of the same class.

Điều 17: Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp, và thông báo họp ĐHĐCĐ/ Article 17. Convening the General Meeting of Shareholders, Meeting Agenda, and Notification

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ, hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 13 hoặc điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

The BOD shall convene the GMS, or the GMS may be convened in the cases specified in Point b, Clause 4, Article 13 or Point c, Clause 4, Article 13 of this Charter.

2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

The convener of the GMS shall perform the following duties:

- a. Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

Prepare a list of shareholders eligible to attend and vote at the GMS no later than 10 days before sending the meeting invitation; prepare the meeting agenda and relevant documents in accordance with legal regulations and the Company's provisions. The Company must announce the compilation of the list of shareholders entitled to attend the GMS at least 20 days before the final registration date;

- b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ;

Determine the time and venue of the GMS;

- c. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.

Notify and send the meeting invitation to all shareholders entitled to attend.

3. Việc mời họp ĐHĐCĐ được thực hiện như sau:

The procedure for convening the GMS shall be as follows:

- a. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên; địa chỉ trụ sở chính; mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông; thời gian; địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp;

The convener of the GMS must send the meeting invitation to all shareholders listed in the register of shareholders entitled to attend the GMS no later than 21 days before the meeting date, unless a longer period is stipulated in the Company's Charter. The meeting invitation must include the Company's name, headquarters address, enterprise registration number, shareholder's name and permanent address, meeting time and venue, and any other relevant requirements for attendees.

- b. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty, công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán;

The invitation must be sent via a secure method to ensure delivery to the shareholder's registered contact address, also be uploaded on the Company's website and announced through the information channels of the State Securities Commission and the Stock Exchange.

- c. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

The meeting invitation must be accompanied by the following documents:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

The meeting agenda, relevant documents, and draft resolutions for each agenda item;

- Phiếu biểu quyết;

Voting ballots;

- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT.

A list and detailed information of candidates in case of elections for the BOD.

- d. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho Cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

If the Company has an official website, the distribution of meeting documents as specified in Point c, Clause 3 of this Article may be replaced by uploading them to the Company's website. In this case, the meeting invitation must clearly state the location and method for accessing the documents and the Company must send to shareholders if required.

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất



các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho HĐQT ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

Shareholders or groups of shareholders specified in Clause 3, Article 11 of this Charter have the right to propose additional items for inclusion in the GMS agenda. Such proposals must be made in writing and submitted to the BOD at least three (03) working days before the GMS convenes. The proposal must include the full name of the shareholder(s), the number and type of shares held, and the content of the proposed agenda item.

5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 Điều lệ trong các trường hợp sau:

The convener of the GMS has the right to reject proposals related to Clause 4 of this Article in the following cases:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

The proposal was not submitted in accordance with the requirements of Clause 4 of this Article.

- b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ số cổ phần phổ thông như quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ;

At the time of the proposal, the shareholder or group of shareholders does not hold the minimum number of ordinary shares required under Clause 3, Article 11 of this Charter.

- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua.

The proposed item is beyond the authority of the GMS to discuss and approve.

6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.

The convener of the GMS must accept and include the proposals specified in Clause 4 of this Article in the draft agenda and meeting content unless the circumstances described in Clause 5 of this Article; Such proposals shall be officially added to the agenda and meeting content if approved by the GMS. The BOD must prepare a draft resolution for each agenda item.

7. Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHĐCĐ, những quyết định được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

If all shareholders representing 100% of the voting shares attend the GMS in person or by an authorized representative, any resolutions unanimously passed by the GMS shall be deemed valid, even if the meeting was not convened in accordance with procedural requirements or if certain agenda items were not included in the original meeting agenda.

Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ/ Article 18: Conditions for Convening the GMS

1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

The GMS shall be conducted when shareholders attending the meeting represent more than 50% of the voting shares.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, người triệu tập họp hủy cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại và gửi thông báo mời họp trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

If the first meeting does not meet the requirements stated in Clause 1 of this Article, the convener shall cancel the meeting. The GMS must be reconvened, and a meeting notice must be re-sent within thirty (30) days from the originally scheduled meeting date. The reconvened GMS shall be conducted when shareholders (or their authorized representatives) attending the meeting represent at least 33% of the voting shares.

3. Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập và gửi thông báo mời họp trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành ĐHĐCĐ lần thứ hai. Trong trường hợp này ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự.

If the second GMS cannot be conducted due to failure to meet the quorum requirements stated in Clause 2 of this Article, a third GMS may be convened, with a meeting notice sent within twenty (20) days from the scheduled date of the second meeting. In this case, the GMS shall be conducted regardless of the number of shareholders or authorized representatives present.

Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ/ Article 19: Procedures for Conducting Meetings and Voting at the GMS

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

Before the meeting begins, the Company must register shareholders attending the GMS and continue registration until all eligible shareholders present have completed their registration. The process shall be as follows:

- a. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại ĐHĐCĐ, số phiếu tán thành nghị quyết được thu trước, số phiếu phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. ĐHĐCĐ bầu những người

N.03014
CỘNG
HÒA
CỐP
TẬP
ĐOÀN
THIÊN
LONG
PHÒNG

chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban Kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa;

Upon registration, the Company shall issue each shareholder or authorized representative a voting card containing their registration number, full name, the full name of the authorized representative (if applicable), and the number of votes held. The GMS shall discuss and vote on each item on the agenda. Voting shall be conducted by approval, disapproval, or abstention. Votes in favor of a resolution shall be collected first, followed by votes against, and finally, the total count shall determine the decision. The voting results shall be announced by the Chairperson before the meeting ends. The GMS shall elect vote-counting personnel based on the Chairperson's proposal.

- b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ muộn sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại ĐHĐCĐ sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng ĐHĐCĐ để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không thay đổi.

Shareholders, their organizational representatives, or authorized persons arriving after the meeting has commenced may register and participate in voting immediately upon registration. The Chairperson is not required to pause the GMS for late registrants, and any votes cast prior to their arrival shall remain unchanged.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

Election of the Chairperson, Secretary, and Vote-Counting Committee:

- a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

The Chairperson of the BOD shall preside over the General Meeting of Shareholders or may authorize another Board member to do so. If the Chairperson is absent or temporarily unable to perform their duties, the remaining Board members shall elect one of them as Chairperson by majority vote. If no one is available to preside, the person who signed the notice convening the meeting shall conduct the meeting for the GMS to elect a Chairperson from among the attendees, and the individual receiving the highest number of votes shall preside over the meeting.

- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp;

In cases not covered by Point a, the person signing the meeting convening notice shall oversee the election of the Chairperson, and the candidate receiving the highest number of votes shall be elected;

- c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

The Chairperson shall appoint one or more persons as meeting secretaries.

- d. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

The GMS shall elect one or more vote counters based on the Chairperson's proposal.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

The meeting agenda and content must be approved at the opening session of the GMS. The agenda must clearly define the timing for each agenda item.

4. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ.

The Chairperson has the authority to decide on the meeting procedures, order of proceedings, and any matters arising outside the agenda.

5. Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền hoãn họp ĐHĐCĐ ngay cả trong trường hợp đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

The Chairperson may postpone the GMS even if the meeting has the full number of registered attendees for up to three (03) business days from the scheduled start date, and may only postpone the meeting or change the meeting venue under the following circumstances:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

The venue does not have sufficient seating capacity for all attendees;

- b. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

Disruptive behavior by attendees, or behavior that may be disruptive, that could prevent the meeting from being conducted fairly and lawfully;

- c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của ĐHĐCĐ được tiến hành một cách hợp lệ;

Postponement is necessary to ensure that the meeting is conducted lawfully and properly.

- d. Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn ĐHĐCĐ khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết;

The Chairperson of the GMS may postpone the meeting with the consent or at the request of the GMS that has the required quorum of attendees;

- e. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp ĐHĐCĐ không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

Communication facilities at the venue are inadequate for shareholder participation, discussion, and voting.

6. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng ĐHĐCĐ trái với quy định tại Khoản 5 Điều 19 của Điều lệ, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

If the Chairperson unlawfully postpones or suspends the GMS in violation of Clause 5 of this

130-C.T.Ư
Y
N
NG
CHÍ MINH

Article, the GMS shall elect another Chairperson from among the attendees to continue the meeting; all resolutions adopted in such a meeting shall remain valid.

7. Chủ tọa của ĐHĐCĐ hoặc Thư ký ĐHĐCĐ có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để ĐHĐCĐ phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

The Chairperson or Secretary of the General Meeting of Shareholders may take any actions they deem necessary to conduct the meeting in a legal and orderly manner, or to ensure that the meeting reflects the will of the majority of attendees.

8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:

The meeting convener or Chairperson of the GMS shall have the following rights:

- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

Require all attendees to comply with security checks or other reasonable security measures;

- b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

Request law enforcement authorities to maintain order and remove individuals who do not comply with the Chairperson's authority, intentionally disrupt the meeting, obstruct its normal proceedings, or fail to comply with security checks.

9. Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:

The Chairperson may implement reasonable measures to conduct the GMS in an orderly manner, in accordance with the approved agenda, and to reflect the majority's views:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;

Arrange seating at the venue;

- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

Ensure the safety of all attendees;

- c. Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) ĐHĐCĐ. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

Facilitate shareholder participation and continued attendance at the General Meeting of Shareholders. The convener of the meeting has full authority to modify the above measures and apply any necessary measures, which may include issuing entry passes or using other verification methods.

10. HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. HĐQT chịu trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế cho hình thức

họp trực tuyến hoặc trực tuyến kết hợp trực tiếp. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền quyết định hình thức họp trực tuyến, hoặc kết hợp trực tuyến với trực tiếp phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế tùy từng thời điểm. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến hoặc kết hợp, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

The BOD has full authority to modify the above measures and apply any measures they deem necessary. Such measures may include issuing entry passes or employing alternative methods. The Board is responsible for formulating and issuing regulations for online or hybrid (online and in-person) meetings. The meeting convener has the authority to decide whether the meeting is held online or in a hybrid format, depending on actual conditions at the time. If the Company uses modern technology to conduct an online or hybrid GMS, it must ensure that shareholders can participate and vote using electronic voting or other electronic methods, in accordance with Article 144 of the Enterprise Law and Clause 3, Article 273 of Decree No. 155/2020/ND-CP.

Điều 20: Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ Article 20: Approval of GMS Resolutions

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, Khoản 1 Điều 16, khoản 7 Điều 24 và Khoản 5 Điều 35 của Điều lệ, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ về mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành (trong trường hợp họp tổ chức cuộc họp) hoặc trên 50% biểu quyết tán thành tính trên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản).

Except as provided in Clause 2 of Article 20, Clause 1 of Article 16, Clause 7 of Article 24, and Clause 5 of Article 35 of the Charter, resolutions of the General Meeting of Shareholders on any matters within its authority shall be approved when more than 50% of the total votes of all shareholders, or their authorized representatives, attending and voting at the meeting approve (for physical meetings), or when more than 50% of the total votes of all shareholders with voting shares approve (in the case of a written opinion).

2. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành (trong trường hợp họp tổ chức cuộc họp) hoặc ít nhất 65% biểu quyết tán thành tính trên tổng số biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản):

Resolutions of the GMS concerning the following matters shall only be approved if at least 65% of the total votes of all shareholders, or their authorized representatives, attending and voting at the meeting approve (for physical meetings), or at least 65% of the total votes of all shareholders with voting rights approve (in the case of a written opinion):

- a. Loại và số lượng cổ phần chào bán;

Types and quantity of shares to be offered for sale;

- b. Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp;

Reorganization or dissolution of the Company;

- c. Dự án đầu tư; mua hoặc bán hoặc thanh lý tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
Investment projects; purchase, sale, or liquidation of Company assets valued at 35% or more of the Company's total asset value based on the latest audited financial statements;
- d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;
Changes to the Company's management structure;
- e. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
Changes to the Company's business lines and sectors.

Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ Article 21: Authority and Procedures for Collecting Shareholders' Written Opinions to Approve GMS Resolutions

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

The authority and procedures for collecting shareholders' opinions in writing to adopt GMS resolutions shall be implemented as follows:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau đây:

The BOD has the authority to collect shareholders' opinions in writing to adopt GMS resolutions at any time if deemed necessary for the benefit of the Company, including but not limited to the following matters:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
Amend, supplement the contents of Company Charter;
- b. Định hướng phát triển công ty;
Direction of the Company's development;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
Types of shares and the total number of shares of each type;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
Election, dismissal, or removal of members of the BOD;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
Decisions to invest in or sell assets with a value of 35% or more of the total assets as stated in the Company's most latest financial statements;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
Approval of the annual financial statements;

g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

Reorganization or dissolution of the Company.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

The BOD must prepare opinion collection ballots, draft GMS resolutions, and explanatory materials. The ballots, together with the draft resolution and explanatory materials, must be sent by a secure method to the registered address of each shareholder. The BOD must ensure that these materials are sent and made available to shareholders within a reasonable time for review and voting, and at least ten (10) days before the deadline for returning the opinion ballots.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

The opinion ballot must contain the following key details:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

Name, registered office address, and enterprise registration code;

- b. Mục đích lấy ý kiến;

Purpose of collecting opinions;

- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

Full name, contact address, nationality, and identification number of the shareholder (for individual shareholders); full name, contact address, nationality, and identification details of the shareholder's representative (for institutional shareholders); type and number of shares held and the corresponding number of voting rights;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

Matters for which opinions are being collected to adopt a resolution;

- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

Voting options: approval, disapproval, or abstention;

- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

Deadline for returning the completed opinion ballot to the Company;

- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

Full name and signature of the Chairperson of the BOD.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

Shareholders may submit their completed opinion ballots to the Company using one of the following methods:

- a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người

đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức;

By letter: The opinion ballot must be signed by the individual shareholder or by the authorized representative or legal representative of an institutional shareholder.

- b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

By fax or email: Ballots sent via fax or email must remain confidential until the ballot counting process begins.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

Opinion ballots sent to the Company must be enclosed in sealed envelopes and must remain sealed until the ballot count begins. Ballots received after the deadline specified in the opinion ballot, or ballots that have been opened (for mail-in ballots) or disclosed before the ballot count (for fax or email ballots), are invalid. Ballots that are not returned shall be considered as non-participation in voting.

5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy ban Kiểm toán hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

The BOD shall conduct the ballot count and prepare a ballot counting report in the presence of the Audit Committee or shareholders who do not hold management positions in the Company.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

The ballot counting report must include the following key details:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

Name, registered office address, and enterprise registration code;

- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

Purpose and matters for which opinions were collected;

- c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết. Trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

Number of shareholders participating in the vote and total ballots counted. In which, distinguishing valid and invalid ballots, along with the method of ballot submission and a list of participating shareholders as an appendix;

- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

Total number of ballots in favor, against, and abstentions for each matter;

- e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

Adopted resolutions and the corresponding voting percentages;

- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Full names and signatures of the Chairperson of the BOD, ballot counting supervisors, and ballot counters.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Members of the BOD, ballot counters, and ballot counting supervisors are jointly responsible for the accuracy and integrity of the ballot counting report and for any damage arising from resolutions passed based on fraudulent or inaccurate ballot counting.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và/hoặc gửi đến các Cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

The ballot counting report and resolution must be published on the Company's website within twenty-four (24) hours and/or sent to shareholders within fifteen (15) days from the date of completion of the ballot count.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Completed opinion ballots, the ballot counting report, the full text of the adopted resolution, and related materials accompanying the ballots must be retained at the Company's head office.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

A resolution adopted through the collection of shareholders' opinions in writing has the same legal effect as a resolution adopted at a GMS.

Điều 22: Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ/ Article 22: Resolutions and Minutes of the GMS Meeting

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ. Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và/hoặc gửi cho tất cả các Cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi ĐHĐCĐ kết thúc. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa ĐHĐCĐ và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

The Chairperson of the BOD is responsible for organizing and storing the minutes of the GMS. The GMS minutes must be published on the Company's website within twenty-four (24) hours

and/or sent to all shareholders within fifteen (15) days after the conclusion of the GMS. The minutes of the GMS constitute conclusive evidence of the matters discussed and decided at the meeting unless objections to the content are submitted in accordance with the prescribed procedures within ten (10) days from the date the minutes are sent. The minutes must be made in Vietnamese in accordance with Law on Enterprises and this Charter, having the signature of Chairperson GMS and Secretary. In the event that the Chairperson or the Secretary refuses to sign the meeting minutes, such minutes shall remain valid if they are signed by all other members of the BOD attending the meeting and contain all required contents as stipulated in this Clause. The meeting minutes shall clearly state the refusal of the Chairperson or the Secretary to sign the minutes.

Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

The resolutions, GMS minutes, the annexed list of shareholders registering for the meeting with their signatures, proxy documents for attending the meeting, all documents attached to the minutes (if any), and related materials included in the meeting notice must be disclosed in accordance with legal requirements on information disclosure in the stock market and must be retained at the Company's head office.

Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ Article 23: Request to cancel GMS Resolutions

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

Within ninety (90) days from the date of receipt of a GMS resolution, GMS minutes, or the minutes of the results of shareholder opinion collection, a shareholder or group of shareholders, as defined in Clause 3, Article 11 of this Charter, has the right to request a court or arbitration tribunal to consider annulling the resolution or any part thereof in the following cases:

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 17 Điều lệ này;

The procedures for convening the meeting and making decisions at the GMS seriously violate the provisions of the Law on Enterprises and this Charter, except in cases specified in Clause 7, Article 17 of this Charter;

- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

The content of the resolution violates the laws or this Charter.

2. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho

đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Pursuant to Clause 1 of this Article, if a shareholder or group of shareholders requests a Court or Arbitration tribunal to annul a GMS resolution, the resolution remains effective until the annulment decision by the court or arbitration tribunal takes effect, except where interim injunctive reliefs are applied by a competent authority.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BOARD OF DIRECTORS

Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT/ Article 24: Composition and Term of the BOD

1. Số lượng thành viên HĐQT là chín (09) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

The BOD shall have nine (09) members. The term of a BOD member shall not exceed five (05) years; BOD members may be re-elected without term limits. An individual may serve as an independent BOD member for a maximum of 02 consecutive terms. In cases where all BOD members' terms expire simultaneously, those members shall continue to serve until new members are elected and assume their duties.

Đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.

At least 1/3 of the BOD members must be non-executive directors. The Company aims to minimize the appointment of BOD members as executives to ensure the BOD's independence.

Tổng số thành viên HĐQT độc lập đảm bảo quy định sau:

The total number of independent BOD members shall comply with the following provisions:

- a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT có 05 thành viên;

At least one (01) independent member if the Board consists of five (05) members;

- b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ 06 đến 08 thành viên;

At least two (02) independent members if the BOD consists of six (06) to eight (08) members;

- c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ 09 đến 11 thành viên.

At least three (03) independent members if the BOD consists of nine (09) to eleven (11) members.

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp

94830
C. TY
H. AN
O. AN
L. ONG
S. CHI

ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

If candidates have been identified in advance, their relevant information shall be included in the GMS meeting materials and disclosed at least ten (10) days before the meeting on the Company's website to allow shareholders to review candidates before voting. BOD candidates must provide a written commitment to the truthfulness, accuracy, and reasonableness of their disclosed personal information and commit to performing their duties honestly, diligently, and in the best interests of the Company if elected. The information disclosed about BOD candidates shall include at least:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

Full name, date of birth;

- b. Trình độ học vấn;

Educational qualifications;

- c. Trình độ chuyên môn;

Professional qualifications;

- d. Quá trình công tác;

Work experience;

- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;

Companies where the candidate currently holds BOD or other managerial positions;

- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;

Performance evaluation report on the candidate's contributions to the Company, if they are an incumbent Board member;

- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);

Interests related to the Company and its stakeholders (if any);

- h. Họ, tên của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

Full name(s) of shareholders or groups of shareholders nominating the candidate (if applicable);

- i. Các thông tin khác (nếu có).

Other relevant information (if any).

2. Các Cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 45%

được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 45% đến dưới 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 50% đến dưới 55% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 55% đến dưới 60% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 60% đến dưới 65% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 65% đến dưới 70% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên; từ 70% đến dưới 75% được đề cử tối đa mười (10) ứng viên, từ 75% trở lên được đề cử tối đa mười một (11) ứng viên.

Shareholders may aggregate their voting rights to nominate candidates for the BOD. A shareholder or a group of shareholders holding from 10% to less than 20% of the total voting shares may nominate one (01) candidate; from 20% to less than 30% may nominate up to two (02) candidates; from 30% to less than 40% may nominate up to three (03) candidates; from 40% to less than 45% may nominate up to four (04) candidates; from 45% to less than 50% may nominate up to five (05) candidates; from 50% to less than 55% may nominate up to six (06) candidates; from 55% to less than 60% may nominate up to seven (07) candidates; from 60% to less than 65% may nominate up to eight (08) candidates; from 65% to less than 70% may nominate up to nine (09) candidates; from 70% to less than 75% may nominate up to ten (10) candidates; and shareholders holding 75% or more of the total voting shares may nominate up to eleven (11) candidates.

Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT Công ty như sau:

The qualifications and conditions for serving as a BOD member are as follows:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Having full civil capacity and not being prohibited from managing an enterprise as per the Law on Enterprises;

- b. Là Cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Being an individual shareholder owning at least 5% of the total ordinary shares or a qualified professional with experience in business management or the Company's primary business sector, or meeting other criteria as stipulated in the Company's Charter.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

If the number of BOD candidates nominated and self-nominated is insufficient, the incumbent BOD may nominate additional candidates or organize nominations according to a mechanism determined by the Company. The nomination mechanism or method used by the incumbent BOD must be clearly disclosed and approved by the GMS before the nomination process.

4. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp bị ĐHCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

A BOD member shall cease to hold office as a member of the BOD in cases where he or she is dismissed, removed, or replaced by the GMS in accordance with Article 160 of the Law on

Enterprises.

- Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

The appointment of BOD members must be disclosed in accordance with securities market information disclosure regulations.

- Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

BOD members are not required to hold shares in the Company.

- Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

The election of BOD members must follow the cumulative voting method, whereby each shareholder has a total number of votes equal to the number of shares they own multiplied by the number of BOD members to be elected. Shareholders may allocate all their votes to one or multiple candidates. BOD members are elected based on the highest vote count until the required number of members is reached. If two or more candidates receive the same number of votes, a re-vote shall be conducted among those candidates, or a selection method specified in the election regulations or the Company's Charter shall be applied.

Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT/ Article 25: Powers and Duties of the BOD

- Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

The business operations and affairs of the Company shall be supervised or directed by the BOD. As the Company's management body, the BOD has full authority to act on behalf of the Company in exercising its rights and obligations, except for those reserved for the GMS.

- HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc Điều hành và các vị trí khác do HĐQT bổ nhiệm.

The BOD is responsible for supervising and directing the CEO and other positions it appoints.

- Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết ĐHCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

The rights and obligations of the BOD are stipulated by law, the Company's Charter, internal regulations, and resolutions of the GMS. Specifically, the BOD has the following powers and duties:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

Decide on the Company's strategy, medium-term development plans, and annual business plans;

- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;

Determine operational objectives based on the strategic goals approved by the GMS;

- c. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

Determine the Company's organizational structure and internal management regulations; decide on the establishment of subsidiaries, branches, and representative offices, as well as investments in or acquisitions of shares in other enterprises;

- d. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

Recommend the types and total number of shares authorized for issuance;

- e. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

Propose the issuance of convertible bonds and bonds with warrants;

- f. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

Decide on the selling price of the Company's shares and bonds;

- g. Quyết định giao dịch đầu tư; mua hoặc bán hoặc thanh lý tài sản Công ty; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; nghiên cứu phát triển các lĩnh vực mới, đầu tư xuất khẩu, đổi mới và tăng trưởng; thông qua giao dịch mua bán thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và vận hành của Công ty, giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, thế chấp, tín dụng và hợp đồng khác có giá trị tài sản có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

Decide on investment transactions; the purchase, sale, or disposal of the Company's assets; decide on solutions for market development, marketing, and technology; research and development of new business sectors, export investment, innovation, and growth; approve commercial purchase and sale transactions serving the Company's production, business, and operational activities; approve borrowing, lending, guarantee, mortgage, credit, and other contracts with an asset value of from VND 20 billion to less than 35% of the Company's total asset value as recorded in the most recent audited financial statements, except for contracts and transactions specified in Clause 2, Article 138 and Clauses 1 and 3, Article 167 of the Law on Enterprises.

- h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng của Công ty;



Elect, relieve of duty, or remove the Chairperson of the BOD; appoint, dismiss, relieve of duty, sign and terminate contracts; and determine salaries, remuneration, bonuses, and other benefits for the CEO, Deputy CEO, Chief Financial Officer, and Chief Accountant;

- i. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc Điều hành;

Report to the GMS on the appointment of the CEO by the BOD;

- j. Kiến nghị mức Cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả Cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

Decide on the dividend payout rate, timing, and distribution procedures, or address business losses;

- k. Tổ chức việc chi trả Cổ tức;

Organize the Dividend payment process;

- l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

Propose the reorganization or dissolution of the Company and request bankruptcy proceedings;

- m. Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động HĐQT sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

Approve and issue the Company's internal governance regulations, operational regulations of the BOD (upon approval by the GMS), and the Company's information disclosure policy;

- n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;

Approve the agenda and materials for the GMS, convene the GMS, or collect opinions for the adoption of resolutions;

- o. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

Present the audited annual financial statements to the GMS;

- p. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

Decide on the sale of unsold shares within the authorized issuance limit and determine additional capital-raising methods;

- q. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

Decide on the repurchase of shares in accordance with Clauses 1 and 2, Article 133 of the Law on Enterprises;

- r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

Exercise other rights and obligations as prescribed by the Law on Enterprises, the Securities Law, other legal regulations, and the Company's Charter.

4. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số

155/2020/NĐ-CP.

The BOD must report its activities to the GMS in accordance with Article 280 of Decree No. 155/2020/ND-CP.

5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới, Người điều hành và Người quản lý doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Unless otherwise provided by law or the Charter, the BOD may delegate authority to subordinates, Executives, or Managers to act on behalf of the Company in handling its affairs.

6. Thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

Board members shall receive remuneration for their service, as determined by the GMS at the annual meeting. This remuneration shall be distributed among BOD members based on an internal agreement or divided equally if no agreement is reached.

7. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

The total compensation for each BOD member – including remuneration, expenses, commissions, stock options, and other benefits received from the Company, its subsidiaries, affiliates, and other companies where the BOD member represents the Company's capital contribution – must be disclosed in detail in the Company's annual report. BOD member remuneration must also be presented as a separate item in the Company's annual financial statements.

8. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

BOD members who hold executive positions (including the Chairperson or Vice Chairperson), serve on BOD committees, or perform duties beyond the normal scope of a BOD member may receive additional compensation in the form of lump-sum payments, salaries, commissions, profit-sharing, or other forms as decided by the BOD.

9. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

BOD members are entitled to reimbursement of all reasonable travel, accommodation, and other

expenses incurred in fulfilling their duties, including attending GMS, BOD meetings, or committee meetings.

10. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

The Company may purchase liability insurance for BOD members with the approval of the GMS. However, this insurance does not cover liabilities arising from legal violations or breaches of the Company's Charter.

Điều 26: Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT/ Article 26: Chairman and Vice Chairman of the BOD

1. HĐQT có quyền lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một (01) Chủ tịch và một (01) Phó Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc Điều hành của Công ty.

The BOD shall elect from among its members one (1) Chairman and one (1) Vice Chairman. The Chairman shall not concurrently hold the position of CEO.

Chủ tịch HĐQT được bầu, ngoài đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT còn phải đáp ứng được các điều kiện sau:

In addition to the general qualifications required of a BOD member, the Chairman must meet the following specific conditions:

- a. Là Cổ đông nắm giữ trên 20% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty hoặc nắm giữ một tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết nhỏ hơn nhưng phải là thành viên do Cổ đông, nhóm Cổ đông nắm giữ trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết ứng cử hoặc đề cử theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này; và

Be a shareholder holding more than 20% of the Company's voting shares; or hold a smaller percentage of voting shares but be nominated by a shareholder or group of shareholders holding more than 50% of the Company's voting shares, as stipulated in Article 24 of this Charter.

- b. Là thành viên HĐQT của Công ty trong nhiệm kỳ trước.

Have served as a member of the Company's BOD in the previous term.

2. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập và Chủ tọa ĐHĐCĐ và các cuộc họp của HĐQT, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho HĐQT rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, thì các thành viên còn lại của HĐQT sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, HĐQT có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

The Chairman of the BOD is responsible for convening and presiding over the General Meeting of Shareholders and BOD meetings, and has other rights and obligations as stipulated in this Charter and the Law on Enterprises. The Vice Chairman shall have the rights and obligations

16483

IG TY
PHẦN
ĐOÀN
NLON

HỒ C

of the Chairman when authorized by the Chairman, but only when the Chairman has notified the BOD of his/her absence or inability to perform his/her duties due to force majeure or incapacity. In such cases, if the Chairman does not designate the Vice Chairman to act, the remaining members of the BOD shall appoint the Vice Chairman. If both the Chairman and Vice Chairman are temporarily unable to perform their duties for any reason, the BOD may appoint another member of the BOD to perform the duties of the Chairman by a simple majority vote.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu/ thành viên góp vốn tại nơi có vốn góp của Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty đó, bao gồm nhưng giới hạn việc:

The Chairman of the BOD has the authority to decide on matters within the decision-making authority of the owner/contributing members at a company where the Company has capital contributions, as prescribed by law and the charter of that subsidiary, including but not limited to:

- Quyết định nội dung, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty.
Decide on the content, amendment, and supplementation of the Company's Charter.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm các vị trí Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng, đồng thời, quyết định các chế độ thù lao, tiền lương, phúc lợi của các chủ thể nêu trên.
Appoint or dismiss the Company's Chairperson, CEO, and Chief Accountant, and determine their remuneration, salaries, and benefits.
- Quyết định việc thành lập bất kỳ công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của công ty khác.
Decide on the establishment of any subsidiaries, branches, representative offices, business locations, or investments, including capital contributions or acquisition of shares in other companies.
- Sửa đổi, bổ sung các nội dung đăng ký doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn tên công ty, địa chỉ công ty, người đại diện theo pháp luật, thông tin đăng ký thuế, ngành nghề kinh doanh.

Amend or supplement the company registration information, including but not limited to the Company's name, registered address, legal representative, tax registration information, and business lines.

4. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định các vấn đề mà Chủ tịch HĐQT cho rằng cần thiết trong quá trình hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, bao gồm nhưng không giới hạn quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm vị trí trưởng chi nhánh/trưởng văn phòng đại diện. Đồng thời, quyết định các chế độ thù lao, tiền lương, phúc lợi của các chủ thể nêu trên.

The Chairman of the BOD has the authority to decide on matters deemed necessary during the operation of branches, representative offices, and business locations, including but not limited to appointing and dismissing the heads of branches/representative offices. Additionally, the Chairman decides on remuneration, salaries, and benefits for the aforementioned individuals.

5. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định các vấn đề còn lại về quản trị và hoạt động của Công ty nếu không được quy định rõ trong Điều lệ này, trừ trường hợp thẩm quyền đó thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ, HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành theo quy định của Điều lệ và pháp luật.



The Chairman of the BOD has the authority to decide on other governance and operational matters of the Company not explicitly specified in this Charter, except for those within the decision-making authority of the GMS, the BOD, or the CEO as prescribed by the Charter and law.

- Chủ tịch HĐQT có quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với chức danh Giám đốc của Công ty.

The Chairman of the BOD has the authority to appoint, dismiss, contract, terminate, and remove; decide on salaries, remuneration, bonuses, and other benefits for the Company's Directors.

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của HĐQT.

Perform other rights and obligations as decided by the BOD.

- Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các Cổ đông tại ĐHĐCĐ.

The Chairman of the BOD is responsible for ensuring that the BOD sends annual financial reports, reports on the Company's activities, audit reports, and inspection reports of the BOD to shareholders at the GMS.

- Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

In the event that both the Chairman and Vice Chairman of the BOD resign or are dismissed, the BOD must elect replacements within ten (10) days from the date of receiving the resignation or dismissal.

Điều 27: Các cuộc họp của HĐQT/ Article 27: BOD Meetings

- Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì trong số các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số, thì một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

The first meeting of the term of the BOD to elect the Chairman and make other decisions within its authority must be conducted within seven (07) working days from the date of completion of the election of that term's BOD. This meeting is convened and chaired by the member with the highest number of votes. If there is more than one (01) member with the highest and equal number of votes, then one (01) of them, selected by the majority of the elected members, shall convene the BOD meeting.

- Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải



họp một (01) lần.

Regular meetings: The Chairman of the BOD must convene regular meetings of the Board, set the agenda, time, and place of the meeting at least three (03) working days before the scheduled meeting date. The Chairman may convene meetings whenever deemed necessary, but at least once (01) per quarter.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:

Extraordinary meetings: The Chairman of the BOD must convene an extraordinary meeting when deemed necessary for the Company's interests. Additionally, the Chairman must convene a Board meeting, without undue delay, upon a written request stating the purpose of the meeting and issues to be discussed and decided within the BOD authorities:

- a. Tổng Giám đốc Điều hành hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý doanh nghiệp;

The CEO or at least five (05) managers of the Company ;

- b. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;

At least two (02) members of the BOD;

- c. Thành viên độc lập HĐQT.

Independent members of the BOD.

4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 3 Điều 27 của Điều lệ phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 của Điều lệ có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.

The BOD meetings in Clause 3 of Article 27 of the Charter must occur within seven (7) working days following the meeting proposal. If the Chairman does not consent to convene the requested meeting, they are responsible for any damages incurred by the Company. In such cases, the individuals who proposed the meeting per Clause 3 of Article 27 may convene the BOD meeting themselves.

5. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

Meeting location: Meetings of the BOD shall be held at the registered address of the Company or other addresses in Vietnam or abroad as decided by the Chairman of the BOD and agreed upon by the BOD.

6. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian,

địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp.

Notice and agenda of the meeting: The notice of the BOD meeting must be sent to the Board members at least three (03) working days before the meeting date. BOD members may waive the notice requirement in writing, and such waiver may have retroactive effect. The notice must be in Vietnamese and include the agenda, time, place of the meeting, issues to be discussed and decided, along with necessary documents related to the matters to be discussed and voted on at the meeting, and voting ballots for members unable to attend.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

The notice of the meeting shall be sent by mail, fax, email, or other means, but it must be ensured that it reaches the address of each member of the BOD registered with the Company.

7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế và phải có sự tham gia của Chủ tịch HĐQT hay đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.

Minimum attendance of members: A meeting of the BOD shall only be conducted, and decisions shall only be made, when at least three-quarters (3/4) of the Board members are present, either in person or through a substitute representative, along with the Chairman of the BOD or an authorized representative of the Chairman.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

If the required number of attendees is not met, the meeting must be reconvened within seven (07) days from the originally scheduled meeting date. The reconvened meeting shall be valid if more than half of the BOD members attend.

8. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

A BOD member shall be considered as attending and voting at the meeting in the following cases:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

Attending and voting directly at the meeting;

- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;

Authorizing another person to attend the meeting if approved by the majority of the BOD members;

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

Attending and voting via an online conference or other similar means;

- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Sending voting ballots to the meeting via mail, fax, or email.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

If voting ballots are sent by mail, they must be sealed in an envelope and delivered to the Chairman of the BOD no later than one hour before the meeting starts. The ballots shall only be opened in the presence of all attendees.

Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

A resolution of the BOD shall be adopted if it is approved by the majority of attending members. In case of a tie, the final decision shall be based on the opinion of the Chairman of the BOD.

9. Biểu quyết:

Voting:

- a. Trừ quy định tại điểm b Khoản 9 Điều 27 Điều lệ này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

Except as specified in point b, Clause 9, Article 27 of this Charter, each BOD member or his or her duly authorized representative personally attending the BOD meeting shall have one (01) vote.

- b. Đối với các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên HĐQT hoặc người liên quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có lý do chính đáng xác định lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty thì thành viên đó không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hay đề xuất này. Thành viên HĐQT này sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT đối với những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết trừ trường hợp có quy định khác trong Điều lệ này;

For contracts, transactions, or proposals in which a BOD member or a related party has an interest that conflicts, or is reasonably likely to conflict, with the Company's interests, such member shall not vote on these matters. The member shall also not be counted toward the minimum quorum required for BOD decisions in which they are not entitled to vote, unless otherwise stipulated in this Charter.

- c. Theo quy định tại điểm d Khoản 9 Điều 27 Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

According to Point d, Clause 9, Article 27 of this Charter, if an issue arises during a Board meeting concerning a BOD member's interest or voting rights, and the matter cannot be resolved through a voluntary waiver of such rights by the member, it shall be submitted to the Chairperson of the meeting for decision. The Chairperson's ruling shall be final and

binding on all other BOD members, except where the nature or scope of the concerned member's interest has not been adequately disclosed.

- d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a Khoản 7 Điều 33 và Điểm b Khoản 7 Điều 33 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

A BOD member benefiting from a contract as specified in Point a, Clause 7, Article 33, and Point b, Clause 7, Article 33 of this Charter shall be deemed to have a significant interest in such a contract.

10. Công khai lợi ích: Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

Disclosure of Interests: A BOD member who directly or indirectly benefits from a contract or transaction signed or expected to be signed with the Company and is aware of their interest in it must disclose the nature and details of such interest at the first BOD meeting considering the contract or transaction. Alternatively, the member may disclose this at the first Board meeting held after they become aware of their interest in the contract or transaction.

11. Biểu quyết đa số: HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt trên 50%. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

Majority Voting: The BOD shall pass resolutions and make decisions based on a majority vote of the attending BOD members (more than 50%). In the event of a tie, the Chairman's vote shall be the deciding vote.

12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

Meetings via Telephone or Other Means: The BOD meeting can be conducted as a discussion among its members when all or some members are in different locations, provided that each participating member is able to:

- a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

Listen to every other Board member speaking at the meeting; and

- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Speak to all other attending members simultaneously if they would like to do so.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm

cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, thì là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

The exchange of information among members may occur directly via telephone or other communication means (whether such means are in use at the time of adopting the Charter or introduced later), or through a combination of these methods. Under this Charter, BOD members participating in such meetings shall be deemed "present" at the meeting. The meeting location shall be where the largest group of BOD members is gathered or, if no such group exists, where the Chairperson of the meeting is present.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

Decisions made during a lawfully organized telephone meeting shall take effect immediately upon conclusion but must be confirmed by the signatures of all participating BOD members in the meeting minutes.

13. Nghị quyết thông qua bằng hình thức khác: Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc qua thư điện tử (email) được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. HĐQT ban hành nguyên tắc thông qua nghị quyết theo các hình thức này và giao Chủ tịch HĐQT lựa chọn hình thức áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế, tùy từng thời điểm.

Resolutions passed by other measures: A resolution approved by written consultation or email voting shall be approved based on the majority opinion of BOD members entitled to vote. The BOD shall establish principles for passing resolutions through these methods and authorize the Chairman of the BOD to select the appropriate method based on practical conditions at any given time.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Such a resolution shall have the same validity and effect as a resolution passed at a duly convened and conducted meeting of the BOD.

14. Biên bản họp HĐQT: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

BOD Meeting Minutes: The Chairman of the BOD shall be responsible for sending the Board meeting minutes to all members. The minutes shall constitute conclusive evidence of the matters discussed and decided at the meeting, unless an objection to the content is raised within ten (10) days from the date of sending. The BOD meeting minutes shall be prepared in Vietnamese and may also be prepared in English. The minutes must be signed by the Chairperson and the recorder. In the event that the Chairperson or the recorder refuses to sign, the minutes shall

remain effective if all other attending BOD members sign and the minutes contain all required contents pursuant to Points a, b, c, d, đ, e, g, and h of Clause 1, Article 158 of the Law on Enterprises.

15. Các tiểu ban của HĐQT: HĐQT có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

Committees of the BOD: The BOD may establish and delegate authority to subordinate committees. Committee members may include one or more BOD members and one or more external members as determined by the BOD. Committees must comply with the regulations set by the BOD when exercising their delegated powers. A committee's resolution shall only be effective if the majority of the attending and voting members at the committee meeting are Board members.

16. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.

Legal validity of actions: Actions executed in accordance with the resolutions of the BOD or its subordinate committees shall be considered legally valid, even if there were errors in the election or appointment of committee members or BOD members.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY/ CEO, OTHER EXECUTIVES, AND CORPORATE GOVERNANCE OFFICER

Điều 28: Tổ chức bộ máy quản lý/ Article 28: Management Apparatus Structure

Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Tổng Giám đốc Điều hành do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc Điều hành có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT và do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

The Company shall establish a management system under which the management apparatus shall be responsible for and operate under the leadership of the BOD. The Company shall have a CEO appointed by the BOD. The CEO may also be a member of the BOD and shall be appointed or dismissed by the BOD through a duly adopted resolution.

Điều 29: Người điều hành/ Article 29: Executives

1. Người điều hành bao gồm các nhân sự được mô tả tại Điều 1 của Điều lệ này và những Người điều hành khác được HĐQT/Chủ tịch HĐQT chấp thuận bổ nhiệm sau khi xem xét đề nghị của Tổng Giám đốc Điều hành. Người điều hành phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

Executives include the personnel described in Article 1 of this Charter and other Executives approved and appointed by the BOD/Chairperson of the BOD upon consideration of the CEO's recommendation. Executives must exercise due diligence to ensure that the Company's operations and organization achieve the set objectives.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các vấn đề khác của Người điều hành sẽ phải do HĐQT/Chủ tịch HĐQT quyết định theo thẩm quyền. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Salaries, remuneration, benefits, and other matters concerning Executives shall be decided by the BOD/Chairperson of the BOD within their authority. The salaries of Executives shall be accounted for as part of the Company's business expenses in accordance with corporate income tax laws and shall be presented as a separate item in the Company's annual financial statements, which must be reported to the GMS at the annual meeting.

Điều 30: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Điều hành/ Article 30: Appointment, Dismissal, Duties, and Powers of the CEO

1. Bổ nhiệm: HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc Điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc Điều hành phải được báo cáo trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

Appointment: The BOD shall appoint either a BOD member or another individual as the CEO and shall enter into an employment contract specifying salary, remuneration, benefits, and other employment-related terms. Information regarding the CEO's salary, allowances, and benefits must be reported at the annual GMS and included in the Company's annual report.

2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc Điều hành không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc Điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

Term: The CEO's term shall not exceed five (05) years and may be reappointed for an unlimited number of terms. The appointment may be terminated as specified in the employment contract. The CEO shall not be a person prohibited by law from holding this position and must meet the qualifications and conditions stipulated by law.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc Điều hành có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

Powers and duties: The CEO shall have the following powers and duties:

- a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ;

Implement resolutions and decisions of the BOD and the GMS;

- b. Quyết định các hợp đồng, giao dịch không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT và có giá trị dưới 20 tỷ đồng, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của

Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và theo quy chế quản trị Công ty;

Decide on contracts and transactions that are not under the authority of the GMS or the BOD, and have a value of less than VND20 billion each; organize and manage the Company's daily business operations in accordance with best management practices and the Company's governance regulations;

- c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

Propose organizational structure plans and internal management regulations of the Company;

- d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm; ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh khác ngoài các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT và Chủ tịch HĐQT hoặc theo quyết định từng thời điểm của HĐQT/Chủ tịch HĐQT. Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của họ;

Appoint, dismiss, remove from office, sign and terminate contracts; determine salaries, remuneration, bonuses, and other benefits for personnel outside the jurisdiction of the BOD and the Chairperson of the BOD, or as decided by the BOD/Chairperson of the Board from time to time; decide on the number of employees, salaries, allowances, benefits, and other terms of their employment contracts;

- e. Tuyển dụng lao động;

Recruit employees;

- f. Kiến nghị phương án trả Cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

Propose dividend payment plans or solutions for handling business losses;

- g. Quyết định thực hiện các giải pháp phát triển thị trường theo nghị quyết của HĐQT;

Decide on the implementation of market development strategies in accordance with the resolutions of the BOD;

- h. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc Điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

By October 31 each year, CEO shall submit a detailed business plan for the following fiscal year to the BOD for approval, ensuring alignment with budgetary and five-year financial plans;

- i. Ban hành nội quy Công ty, quyết định các vấn đề về cơ cấu phòng ban, phân xưởng, phân phối và những biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;

Issue the Company's internal regulations, make decisions on departmental structures, production divisions, and distribution strategies, and implement measures to enhance operational efficiency and management;

- j. Chuẩn bị các báo cáo tài chính, các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế

toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

Prepare financial reports and long-term, annual, and monthly forecasts (hereinafter referred to as the "estimate") to support the Company's long-term, annual, and monthly management activities. The annual estimate (including the projected balance sheet, business performance report, and cash flow statement) for each fiscal year must be submitted to the BOD for approval and must include information required by the Company's regulations;

- k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc Điều hành và pháp luật.

Perform all other activities as stipulated in this Charter, the Company's regulations, the resolutions of the BOD, the CEO's employment contract, and the law.

4. Báo cáo lên HĐQT và các Cổ đông: Tổng Giám đốc Điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

Reporting to the BOD and Shareholders: The CEO shall be accountable to the BOD and the GMS for performing assigned duties and powers and must report to these bodies upon request.

5. Ủy quyền, ủy nhiệm: Tổng Giám đốc Điều hành có thể ủy quyền (ủy nhiệm) cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc một số người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty nhưng Tổng Giám đốc Điều hành phải chịu trách nhiệm về sự ủy nhiệm này.

Authorization and delegation: The CEO may authorize or delegate Deputy CEOs or other individuals to handle certain Company matters on their behalf; however, the CEO remains responsible for any such authorization or delegation.

6. Những người được Tổng Giám đốc Điều hành ủy quyền (ủy nhiệm) phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Điều hành và pháp luật về việc thực hiện công việc được ủy quyền (ủy nhiệm) đồng thời không được ủy quyền lại cho người khác.

Individuals authorized or delegated by the CEO shall be accountable to the CEO and the law for their assigned tasks and may not further authorize or delegate their authority to others.

7. Đình chỉ công tác: Trong trường hợp Tổng Giám đốc Điều hành vi phạm nghiêm trọng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của HĐQT, thì Chủ tịch HĐQT có quyền tạm đình chỉ công tác của Tổng Giám đốc Điều hành, bổ nhiệm tạm thời người thay thế cho đến cuộc họp tiếp theo của HĐQT. Tổng Giám đốc Điều hành có quyền phản đối việc tạm đình chỉ này tại cuộc họp HĐQT tiếp theo và các quyền khác theo quy định pháp luật.

Suspension from duties: If the CEO seriously violates the law, the Company's Charter, or resolutions of the BOD, the Chairperson of the Board has the right to temporarily suspend the CEO's duties and appoint an interim replacement until the next Board meeting. The CEO may contest this suspension at the next BOD meeting and exercise other legal rights.

Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc Điều hành khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc Điều hành mới thay thế.

Dismissal: The BOD may dismiss the CEO if a majority of attending BOD members with voting rights approve the dismissal and appoint a new CEO as a replacement.

Điều 31: Người phụ trách quản trị Công ty/ Article 31: Corporate Governance Officer

1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.

The BOD shall appoint at least one (01) person as the Corporate Governance Officer to support the effective conduct of corporate governance activities. The Corporate Governance Officer may concurrently serve as the Company Secretary as stipulated in Clause 5, Article 156 of the Law on Enterprises. The term of the Corporate Governance Officer shall be determined by the BOD, with a maximum duration of five (05) years.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

The Corporate Governance Officer must meet the following criteria:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
Possess legal knowledge;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
Not concurrently work for the independent auditing firm auditing the Company's financial statements;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.
Meet other standards as prescribed by law, this Charter, and decisions of the BOD.

3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

The BOD may dismiss the Corporate Governance Officer when necessary, provided it does not contravene current labor laws. The BOD may appoint an Assistant to the Corporate Governance Officer on a case-by-case basis.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

The Corporate Governance Officer has the following rights and obligations:

- a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;
Advise the BOD on organizing GMS in accordance with regulations and matters related to the Company and Shareholders;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT;
Prepare meetings of the BOD, and the GMS as requested by the BOD;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
Advise on procedures of meetings;

- d. Tham dự các cuộc họp;

Attend meetings;

- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;

Advise on procedures for drafting resolutions of the BOD in compliance with legal regulations;

- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT;

Provide financial information, copies of meeting minutes of the BOD, and other information to BOD members;

- g. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

Serve as a liaison with related parties;

- h. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

Monitor and report to the BOD on the Company's information disclosure activities;

- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

Maintain confidentiality of information in accordance with legal regulations and the Company's Charter;

- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Other rights and obligations as prescribed by law and the Company's Charter.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH/ DUTIES OF BOD MEMBERS, CEO, AND EXECUTIVES

Điều 32: Trách nhiệm cẩn trọng/ Article 32: Duty of care

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Members of the BOD, the CEO, and other Executives are obligated to perform their duties, including those as members of subcommittees of the BOD, honestly for the highest benefit of the Company and with the level of prudence that a cautious person would exercise when assuming a similar position under similar circumstances.

Điều 33: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi/ Article 33: Duty of integrity and avoidance of conflicts of interest

1. Người quản lý doanh nghiệp và Những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.



Corporate managers, and their related persons may only use information obtained through their positions to serve the interests of the Company.

2. Người quản lý doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên Vốn Điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Corporate managers are obligated to notify in writing the BOD about transactions between the Company, its subsidiaries, other companies controlled by the public company holding over 50% of charter capital, and themselves or their related persons as prescribed by law. For such transactions approved by the GMS or the BOD, the Company must disclose information about these resolutions in accordance with securities laws on information disclosure.

3. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Members of the BOD shall not vote on transactions that bring benefits to themselves or their related persons as prescribed by the Law on Enterprises.

4. Người quản lý doanh nghiệp và Những người liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Corporate managers, and their related persons shall not use or disclose internal information to others to conduct related transactions.

5. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Người quản lý doanh nghiệp và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

Unless otherwise decided by the GMS, the Company shall not provide loans or guarantees to corporate managers, and individuals or organizations related to these members or legal entities in which these individuals have financial interests, except in cases where the public company and the organization related to these members are companies within the same group or companies operating under a group structure, including parent-subsidary companies, economic groups, and other cases as stipulated by specialized laws.

6. ĐHĐCĐ chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó.

The GMS approves contracts and transactions of loans, sales of assets valued at more than 10% of the total asset value recorded in the most recent financial statements between the Company and shareholders owning from 51% or more of the total voting shares or their related persons.

7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Người điều hành hoặc Những người liên quan đến họ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

Contracts or transactions between the Company and one or more members of the BOD, Executives, or their related persons shall not be invalidated in the following cases:

- a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Người điều hành đã được báo cáo cho HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;

For contracts or transactions valued below 35% of the total assets recorded in the most recent financial statements, the essential elements of the contract or transaction, as well as the relationships and interests of the BOD members and Executives, have been reported to the BOD. The BOD has concurrently approved the execution of such contracts or transactions in good faith by a majority vote of the disinterested BOD members.

- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Người điều hành đã được công bố cho các Cổ đông và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các Cổ đông không có lợi ích liên quan.

For contracts valued above 35% or transactions leading to a cumulative transaction value within 12 months from the date of the first transaction reaching 35% or more of the total asset value recorded in the most recent financial statements, essential elements of these contracts or transactions, as well as the relationships and interests of the members of the BOD, and Executives, have been disclosed to the shareholders and approved by the GMS by votes of the disinterested shareholders.

Điều 34: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường/ Article 34: Liability and Compensation for Damage

1. Trách nhiệm: Thành viên HĐQT và Người điều hành vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Liability: Members of the BOD, and Executives who violate their obligations or duties of care or honesty, or who fail to fulfill their duties, shall be liable for damages resulting from their violations.

2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường và thuê luật sư để bảo vệ quyền lợi cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Điều hành, Người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người

đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty sẽ mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Compensation: The Company shall indemnify and retain legal counsel to protect the rights of individuals who have been, are, or may become involved in complaints, lawsuits, or prosecutions that have been, are, or may be conducted – whether civil or administrative (excluding litigation initiated by the Company or under its authority) – provided such individuals are or were members of the BOD, the CEO, other Executives, employees, or authorized representatives of the Company performing or having performed duties under the Company's authorization. Expenses eligible for indemnification include: incurred costs (including attorney fees), judgment costs, fines, and actual or reasonably deemed payable amounts in resolving these matters within the legal framework, provided that the individual acted honestly, prudently, diligently, with professional competence, in a manner they believed to be in or not opposed to the best interests of the Company, in compliance with the law, and without evidence confirming that they violated their responsibilities. The Company shall purchase insurance for such individuals to cover the aforementioned indemnity liabilities.

X. ỦY BAN KIỂM TOÁN/ AUDIT COMMITTEE

Điều 35: Thành phần Ủy ban kiểm toán/ Article 35: Composition of the Audit Committee

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên HĐQT độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

The Audit Committee shall consist of at least two (02) members. The Chairperson of the Audit Committee must be an independent member of the BOD. The other members of the Audit Committee must be non-executive members of the BOD.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

Members of the Audit Committee must possess knowledge of accounting and auditing, have a general understanding of the law and the Company's operations, and must not fall under any of the following circumstances:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

Being employed in the accounting or finance department of the Company;

- b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó;

Being a member or employee of an approved audit firm engaged to audit the Company's financial statements within the preceding three (03) consecutive years;

- c. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

The Chairperson of the Audit Committee must hold a university degree or higher in one of the following fields: economics, finance, accounting, auditing, law, or business administration.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do HĐQT đề cử và không phải là người điều hành Công ty.

The Chairperson and other members of the Audit Committee shall be nominated by the BOD and must not be Executives of the Company.

4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được HĐQT thông qua tại cuộc họp HĐQT.

The appointment of the Chairperson and other members of the Audit Committee must be approved by the BOD at a meeting of the BOD.

Điều 36: Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán/ Rights and obligations of Audit Committee

1. Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

The Audit Committee shall have the rights and obligations prescribed in Article 161 of the Law on Enterprises, the Company's Charter, and the following rights and obligations:

- a. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;

To access documents related to the Company's operations, and to communicate with other members of the BOD, the General Director, the Chief Accountant, and other managers in order to collect information serving the activities of the Audit Committee;

- b. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;

To request representatives of approved audit firms to attend meetings of the Audit Committee and respond to matters relating to audited financial statements;

- c. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;

To use external legal, accounting, or other consulting services when necessary;

- d. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;

To develop and submit to the BOD policies on risk identification and management, and to propose solutions for addressing risks arising from the Company's operations;

- e. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

To prepare written reports to the BOD upon detecting that members of the BOD, the General Director, or other managers fail to fully perform their duties in accordance with the Law on

Enterprises and the Company's Charter;

- f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua;

To formulate the Operating Regulations of the Audit Committee and submit them to the BOD for approval.

2. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

The Audit Committee shall convene at least two (02) meetings per year. Minutes of meetings shall be prepared in a detailed and clear manner and shall be properly retained. The minute-taker and all Audit Committee members attending the meeting shall sign the meeting minutes.

3. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

The Audit Committee shall adopt resolutions by voting at meetings, by written consultation, or by other methods as stipulated in the Audit Committee's Operating Regulations. Each member of the Audit Committee shall have one vote. A resolution shall be adopted if approved by a majority of the attending members; in the event of a tie, the final decision shall follow the opinion of the Chairperson of the Audit Committee.

4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Independent members of the BOD serving on the Audit Committee shall be responsible for reporting on the Audit Committee's activities at the Annual GMS.

5. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

The activity report of the independent Board of Directors serving on the Audit Committee presented at the Annual General Meeting of Shareholders shall include the following contents:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
Remuneration, operating expenses, and other benefits of the Audit Committee and each of its members in accordance with the Law on Enterprises and the Company's Charter;

- b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

A summary of meetings of the Audit Committee and its conclusions and recommendations;

- c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;

Results of supervision over the Company's financial statements, operational performance, and financial condition;

- d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Điều hành,

người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Điều hành, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

An assessment report on transactions between the Company, its subsidiaries, and other companies in which the Company holds more than 50% of the charter capital, with members of the Board of Directors, the Executive General Director, other executive officers, and their related persons; and transactions between the Company and companies in which members of the Board of Directors, the Executive General Director, or other executive officers are founding members or managers within the three (03) years preceding the transaction date;

- e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;

Results of the assessment of the Company's internal control system and risk management;

- f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Điều hành và người điều hành khác của doanh nghiệp;

Results of supervision over the BOD, the CEO, and other Executives;

Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Điều hành và các cổ đông.

Results of the assessment of coordination between the Audit Committee and the BOD, the CEO, and the shareholders.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY/ RIGHT TO ACCESS ACCOUNTING BOOKS AND APPLICATIONS OF THE COMPANY

Điều 37: Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ/ Right to access accounting books and applications

1. Cổ đông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

Shareholders have the right to access the Company's accounting books and applications, as follows:

- a. Cổ đông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;

Shareholders have the right to review, inspect, and extract information on the names and contact addresses of voting shareholders; request corrections to any inaccurate personal information; and review, inspect, extract, or copy the Company's Charter, meeting minutes of the GMS, and resolutions of the GMS;

- b. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. Cho mục đích của điều khoản này, tài liệu khác chỉ bao gồm các biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và các hồ sơ được quy định cụ thể phải công bố thông tin theo pháp luật.

Shareholders or groups of shareholders holding at least 5% of the total ordinary shares shall have the right to review, inspect, and extract minutes and resolutions of the Board of Directors, mid-year and annual financial statements, contracts and transactions requiring approval by the BOD, and other documents, except for those relating to the Company's trade secrets or business secrets. For the purposes of this provision, other documents shall only include minutes and resolutions of the GMS, and records specifically required to be disclosed under applicable laws.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

If an authorized representative of a shareholder or a group of shareholders requests access to the Company's accounting books and applications, they must provide a power of attorney or a notarized copy of such authorization.

3. Thành viên HĐQT và Người điều hành có quyền kiểm tra danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

Members of the BOD and Executives have the right to inspect the shareholder register and other company accounting books and applications for purposes related to their positions, provided that the information remains confidential.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

The Company must retain this Charter and any amendments thereto, the Enterprise Registration Certificate, regulations, documents proving asset ownership, resolutions of the GMS and the BOD, meeting minutes of the GMS and the BOD, reports of the BOD, annual financial statements, accounting books, and any other documents required by law at its headquarters or another designated location, provided that shareholders and the business registration authority are informed of the storage location.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

The Company's Charter must be publicly available on the Company's website.

30140
CÔNG
CỔ PH
TẬP Đ
HIỆN
PHỐ H

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN/ EMPLOYEES AND TRADE UNION

Điều 38: Công nhân viên và công đoàn/ Article 38: Employees and Trade Union

1. Tổng Giám đốc Điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành.

The CEO must develop plans for the BOD's approval regarding recruitment, termination, salaries, social insurance, benefits, rewards, and disciplinary actions for employees and Executives.

2. Tổng Giám đốc Điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

The CEO must develop plans for the BOD to approve regarding the Company's relationship with trade unions in accordance with best management standards, practices, and policies, as well as those set out in this Charter, the Company's internal regulations, and prevailing laws.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN/ PROFIT DISTRIBUTION

Điều 39: Phân phối lợi nhuận/ Article 39: Profit Distribution

1. ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả Cổ tức và hình thức chi trả Cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

The GMS shall determine the annual dividend payout ratio and the method of distribution from the Company's retained earnings.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định tạm ứng Cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

In accordance with the Law on Enterprises, the BOD may decide on interim dividend payments if deemed appropriate based on the Company's profitability.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả Cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

The Company shall not pay interest on dividends or any other payments related to any type of shares.

4. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần Cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.

The BOD may propose that the GMS approve the payment of dividends wholly or partially in shares, and the BOD shall implement this decision.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ

4830-C
CÔNG TY
TẬP ĐOÀN
THIÊN LONG
SỞ CHỨNG
KHOÁN

đồng cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

In cases where dividends or other payments related to a class of shares are paid in cash, the Company must make such payments in Vietnamese dong. Payments may be made directly or via banks based on the detailed banking information provided by the shareholders. If the Company has transferred funds in accordance with the banking information provided by a shareholder but the shareholder does not receive the funds, the Company shall not be held liable to the beneficiary shareholder. Dividend payments for shares listed on the Stock Exchange may be made via securities companies or the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận Cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

In accordance with the Law on Enterprises and the Securities Law, the BOD shall issue a resolution specifying a record date to determine the list of shareholders eligible to receive cash or share dividends, notifications, or other documents.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.
- Other matters related to profit distribution shall be carried out in accordance with applicable laws.*

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN/ BANK ACCOUNTS, FUND APPROPRIATION, FISCAL YEAR, AND ACCOUNTING REGIME

Điều 40: Tài khoản ngân hàng/ Article 40: Bank Accounts

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

The Company shall open bank accounts at a Vietnamese bank or foreign banks permitted to operate in Vietnam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.

With prior approval from competent authorities, the Company may open bank accounts abroad in accordance with legal regulations if necessary.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

The Company shall conduct all payments and accounting transactions through its Vietnamese dong or foreign currency accounts at the banks where it maintains accounts.

Điều 41: Trích lập các Quỹ/ Article 41: Fund Appropriation

Tùy theo tình hình kinh doanh và yêu cầu của mỗi năm và theo đề nghị của HĐQT, ĐHĐCĐ sẽ quyết định các tỷ lệ phân phối các quỹ khác (quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi).

Depending on the business situation and annual requirements, and based on the recommendations of the BOD, the GMS shall determine the allocation of various funds (investment and development fund, financial reserve fund, bonus and welfare fund).

Điều 42: Năm tài chính/ Article 42: Fiscal Year

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

The Company's fiscal year shall begin on January 1st and end on December 31st of the same year.

Điều 43: Chế độ Kế toán/ Article 43: Accounting Regime

1. Công ty sử dụng Chuẩn mực và Hệ thống Kế toán Việt Nam (“VAS”) hoặc bất kỳ chuẩn mực kế toán nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận cho công tác kế toán và lập báo cáo tài chính.

The Company shall apply Vietnamese Accounting Standards (VAS) or any other accounting standards approved by the Ministry of Finance for bookkeeping and financial reporting.

2. Công ty lập sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

The Company shall maintain its accounting records and financial reports in Vietnamese. The Company shall retain accounting records appropriate to its business activities. These records must be accurate, updated systematically, and sufficient to verify and explain the Company's transactions.

3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính.

The Company shall use Vietnamese dong as the currency for accounting and financial reporting.

**XV. CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG/
ANNUAL FINANCIAL REPORTS, DISCLOSURE OBLIGATIONS,
AND PUBLIC ANNOUNCEMENTS****Điều 44: Báo cáo tài chính hàng năm, bán niên và hàng quý; Báo cáo thường niên/ Article 44: Annual, Semi-Annual, and Quarterly Financial Reports; Annual Reports**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy

định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

The Company must prepare annual financial statements, which shall be audited as required by law. The audited annual financial statements shall be disclosed in accordance with legal regulations on information disclosure in the securities market and submitted to competent authorities.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

The annual financial statements must include all reports, appendices, and explanations as required by corporate accounting regulations. The financial statements must fairly and objectively reflect the Company's operations.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

The Company must prepare and disclose reviewed semi-annual financial statements and quarterly financial statements in accordance with legal regulations on information disclosure in the securities market and submit them to competent authorities.

4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

The Company must prepare and disclose annual reports in accordance with legal regulations on securities and the securities market.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY/ COMPANY AUDIT

Điều 45: Kiểm toán/ Article 45: Audit

1. ĐHĐCĐ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT.

The GMS shall appoint an independent auditing firm or approve a list of independent auditing firms and authorize the BOD to select one from the list to audit the Company for the following fiscal year, based on the terms and conditions agreed upon with the BOD.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

The audit report shall be attached to the Company's annual financial statements. The auditor responsible for auditing the Company shall be entitled to attend any GMS and receive notices and information related to such meetings, as well as express opinions at the meetings on matters

464830
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
THIÊN LONG
HỒ CHÍ MINH

related to the audit.

XVII. CON DẤU/ COMPANY STAMP

Điều 46: Quản lý, sử dụng con dấu của doanh nghiệp/ Article 46: Management and Use of the Company's Stamp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. HĐQT quyết định loại dấu, hình thức, số lượng, nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

The seal includes both physical seals, which are made by authorized seal engraving facilities, and digital signatures, in accordance with e-transaction laws. The BOD shall determine the type, form, quantity, and content of the seals used by the Company, its branches, and its representative offices (if any).

2. Đối với con dấu được làm tại cơ sở khắc dấu, Chủ tịch HĐQT là người có thẩm quyền giữ, quản lý con dấu, khắc lại con dấu nếu mờ, hỏng, mất. Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc Điều hành hoặc một thành viên khác giữ, quản lý hoặc sử dụng con dấu bằng văn bản ủy quyền. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản.

For physical seals made by authorized engraving facilities, the Chairman of the BOD has the authority to hold, manage, and re-engrave the seal in case of blurring, damage, or loss. The Chairman may authorize the CEO or another member to hold, manage, or use the seal through a written authorization. The authorization must be made in writing.

3. Đối với dấu dưới hình thức chữ ký số sẽ thực hiện theo quy định về giao dịch điện tử và quy chế sử dụng được ban hành bởi HĐQT.

Digital seals in the form of digital signatures shall be managed and used in accordance with e-transaction laws and internal regulations issued by the BOD.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY/ DISSOLUTION

Điều 47: Giải thể Công ty/ Article 47: Dissolution of the Company

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

The Company may be dissolved or cease operations in the following cases:

- a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

The Company is declared bankrupt by a court in accordance with prevailing laws;

- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

The Company has its Enterprise Registration Certificate revoked, except in cases otherwise stipulated by the Tax Administration Law;

- c. Giải thể trước thời hạn theo quy định của ĐHCĐ;

The Company is dissolved before its scheduled term as decided by the GMS;

d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

Other cases as prescribed by law.

2. Việc giải thể Công ty do ĐHĐCĐ quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

The dissolution of the Company shall be decided by the GMS, and this decision must be reported to the relevant authorities for notification or approval if such approval is legally required.

Điều 48: Thanh lý/ Article 48: Liquidation

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

Following a decision to dissolve the Company, the BOD shall establish a Liquidation Committee comprising three (03) members. Two members shall be appointed by the GMS, while one member shall be appointed by the BOD from an independent auditing firm. The Liquidation Committee shall prepare its own operational regulations. The members of the Liquidation Committee may be selected from the Company's employees or independent experts. All liquidation-related expenses shall be prioritized for payment before settling any other debts of the Company.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

The Liquidation Committee shall notify the business registration authority of its establishment date and commencement of activities. From that point, the Liquidation Committee shall act on behalf of the Company in all matters related to liquidation proceedings before courts and administrative authorities.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

Proceeds from the liquidation shall be distributed in the following order:

- a. Các chi phí thanh lý;

Liquidation expenses;

- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

Salaries and insurance costs for employees;

- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

Taxes and other statutory payments owed to the State;

- d. Các khoản vay (nếu có);

Outstanding loans (if any);

- e. Các khoản nợ khác của Công ty;

Other debts of the Company;

- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

The remaining balance, after settling all obligations from (a) to (e), shall be distributed among shareholders. Preferred shares shall be paid first.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ/ INTERNAL DISPUTE SETTLEMENT

Điều 49: Giải quyết tranh chấp nội bộ/ Article 49: Internal Dispute Settlement

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các văn bản luật liên quan hoặc thỏa thuận, giữa:

In the event of a dispute or claim related to the Company's operations or shareholder rights arising from this Charter, the Law on Enterprises, other relevant laws, or agreements between:

- a. Một Cổ đông hay các Cổ đông với Công ty; hoặc

A shareholder or group of shareholders and the Company; or

- b. Một Cổ đông hay các Cổ đông với HĐQT hay Người điều hành của Công ty.

A shareholder or group of shareholders with the BOD or the Executives of the Company.

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

then the parties involved shall make every effort to resolve the dispute through negotiation and mediation. Unless the dispute involves the BOD or the Chairman of the Board, the Chairman shall preside over the dispute resolution process and request each party to present relevant facts within fifteen (15) working days from the date the dispute arises. If the dispute concerns the BOD or the Chairman of the Board, either party may appoint an independent expert to act as an arbitrator in the dispute resolution process.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh để giải quyết theo thủ tục tố tụng của Trung tâm. Phán quyết của Trọng tài là chung thẩm và có giá trị thi hành ngay.

If no mediation decision is reached within six (6) weeks from the start of the mediation process, or if the parties do not accept the mediation decision, either party may refer the dispute to the Vietnam International Arbitration Center (VIAC) under the Vietnam Chamber of Commerce and



Industry, Ho Chi Minh City branch, for resolution according to its arbitration proceedings. The arbitral award shall be final and enforceable immediately.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Đối với thủ tục trọng tài, bên thua kiện sẽ chịu mọi chi phí, kể cả phí luật sư của bên thắng kiện.

Each party shall bear its own costs related to the negotiation and mediation process. For arbitration proceedings, the losing party shall bear all costs, including legal fees of the winning party.

XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ/ AMENDMENT OF THE CHARTER

Điều 50: Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ/ Article 50: Amendment and Supplementation of the Charter

1. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định.

Any amendments or supplements to this Charter must be considered and decided by the GMS.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật liên quan, khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

If any legal provisions related to the Company's operations are not addressed in this Charter, or if new legal provisions differ from those in this Charter, the prevailing laws shall automatically apply and govern the Company's activities.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC/ VALIDITY

Điều 51: Ngày hiệu lực/ Article 51: Effective Date

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 52 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long nhất trí thông qua ngày 10 tháng 04 năm 2025 tại TP.HCM và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

This Charter consists of 21 Chapters and 52 Articles, which were unanimously approved by the GMS of Thien Long Group Corporation on 10/04/2025....., in Ho Chi Minh City, and shall take full effect on the same date.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

This Charter is the sole and official governing document of the Company.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất một phần hai (½) tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

Copies or excerpts of this Charter must bear the signature of the Chairman of the BOD or at least half (1/2) of the total members of the BOD to be valid.

Điều 52: Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty/ Article 52: Signature of the Company's Legal Representative

TP. HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2026

Ho Chi Minh City, dated 22 January 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
CHIEF EXECUTIVE OFFICER

TRẦN PHƯƠNG NGÀ

CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF
THE BOARD OF DIRECTORS



CÔ GIA THỌ

